



Trụ sở chính: Quốc lộ 1A, Thôn Mỹ Thanh,
Xã Cam Thịnh Đông, Thành Phố Cam Ranh,
Tỉnh Khánh Hòa



Website: www.sanna.com.vn



Điện thoại: (0258) 3865 678

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT
SANNA KHÁNH HÒA**



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
2020**

Mục lục

CHƯƠNG I TỔNG QUAN CÔNG TY

- Thông tin chung.
- Quá trình phát triển.
- Ngành nghề kinh doanh.
- Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức.
- Địa bàn kinh doanh.
- Định hướng phát triển.
- Các yếu tố rủi ro.

CHƯƠNG II TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tổ chức và nhân sự.
- Tình hình tài chính.
- Tình hình đầu tư và thực hiện dự án.
- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.
- Phát triển bền vững.

CHƯƠNG III BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tình hình tài chính.
- Những cải tiến về sản xuất kinh doanh.
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý.
- Kế hoạch phát triển trong tương lai.

CHƯƠNG IV BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty.
- Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc.
- Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG V QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội đồng quản trị.
- Ban kiểm soát.
- Hoạt động của HĐQT.
- Hoạt động của BKS.
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát.

CHƯƠNG VI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020.





Sanna

TỔNG QUAN CÔNG TY

Thông tin chung.

Quá trình hình thành và phát triển.

Giải thưởng tiêu biểu.

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.

Mô hình quản trị và bộ máy quản lý.

Định hướng phát triển.

Các rủi ro.



THÔNG TIN CHUNG

Tên Công ty:	CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANNA KHÁNH HÒA.
Tên viết tắt:	CÔNG TY CP NGK SANNA KHÁNH HÒA.
Tên Tiếng Anh:	SANNA KHANH HOA BEVERAGE JOINT STOCK COMPANY.
Mã cổ phiếu:	SKN.
Vốn điều lệ:	50.000.000.000 đồng.
Trụ sở chính:	QL 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.
Điện thoại:	(0258) 3 865678.
Fax:	(0258) 3 865676.
Website:	www.sanna.com.vn
Giấy chứng nhận ĐKDN:	Số 4201675930 được cấp lần đầu ngày 28/01/2016 và thay đổi lần thứ 3, ngày 01 tháng 07 năm 2020 do Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp.





QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN

2007

2008

2011

2012

2015

2016

2017

2018

2019

2020

2007-2008

Thực hiện chủ trương của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc mở rộng ngành nghề kinh doanh, đa dạng hóa sản phẩm, góp phần thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa kinh tế địa phương, Công ty Yến Sào Khánh Hòa đã ra quyết định thành lập Nhà máy Nước Khoáng Thiên Nhiên Yến Sào. Theo quyết định số 162/QĐ-YS với lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh là sản xuất nước khoáng thiên nhiên thương hiệu Sanna. Ngay từ khi vừa thành lập, Công ty đã đưa vào hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001 và HACCP góp phần đưa ra thị trường dòng sản phẩm nước khoáng thiên nhiên với chất lượng vượt trội.

Sanna vinh dự trở thành thương hiệu tài trợ nước uống chính thức cho cuộc thi Hoa Hậu Hoàn Vũ được tổ chức tại Việt Nam.

2011-2012

Nhà máy Nước giải khát Sanna được thành lập trực thuộc Công ty Yến Sào Khánh Hòa theo quyết định số 39/QĐ-YS với lĩnh vực chính là sản xuất nước uống đóng chai và đồ uống không cồn.

Nhà máy đã cho ra đời dòng sản phẩm nước Hồng sâm Sanna: được sản xuất dựa trên 02 nguyên liệu chính là Hồng sâm cao cấp của Hàn Quốc với mật ong rừng thiên nhiên tạo nên hương vị thơm ngon, hấp thu nhanh, tốt cho những người lao động về trí óc, thể lực. Sản phẩm nước Hồng sâm Sanna đã được Bộ Y tế - Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam chứng nhận là sản phẩm có thành tích tiêu biểu vì sự nghiệp chăm sóc sức khỏe cộng đồng, là sản phẩm uy tín, chất lượng vì sức khỏe cộng đồng và được Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam cấp quyền sử dụng dấu hiệu Top 10 sản phẩm hàng đầu Hội nhập WTO 2012.

Nhà máy Nước Giải Khát Sanna Cam Thịnh công suất 30.000 sản phẩm/ca sản xuất chính thức đi vào hoạt động theo quyết định số 586/QĐ-YS. Nhà máy tọa lạc trên trục đường Quốc lộ 1A, thuộc thôn Mỹ Thạnh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, cách thành phố Nha Trang 60 km về phía Nam.

Nhà máy nghiên cứu thành công sản phẩm mới nước Rong biển Sanna được chế biến từ nguồn rong biển thiên nhiên giàu chất dinh dưỡng của vùng biển Khánh Hòa, kết hợp với các loại thảo dược như la hán quả, kim ngân hoa, cúc hoa, hạ khô thảo.

2015

Thực hiện chủ trương của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc tái cơ cấu doanh nghiệp, Nhà máy chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Nước giải khát Sanna Khánh Hòa theo quyết định số 2340/QĐ-YS của Công ty Yến Sào Khánh Hòa.

2016-2017

Với những hiệu quả tốt mà sản phẩm mang lại, Tạp chí thương hiệu Việt đã cấp quyền sử dụng dấu hiệu Sản phẩm Việt hội nhập WTO 2013 cho sản phẩm nước Rong biển, đồng thời nước Rong biển Sanna còn được Hiệp hội thực phẩm chức năng Việt Nam vinh danh sản phẩm vàng vì sức khỏe cộng đồng và được chứng nhận là thực phẩm an toàn tin dùng năm 2016 của Hội Khoa học kỹ thuật an toàn thực phẩm Việt Nam.

Sau thời gian nghiên cứu, trên cơ sở ưu tiên sử dụng các nguồn nguyên liệu sẵn có tại địa phương gắn với nhu cầu và thị hiếu của người tiêu dùng. Đầu năm 2017, Công ty đưa vào sản xuất 02 dòng sản phẩm mới nước Chanh dây và nước Chanh muối, bước đầu đã nhận được những phản hồi tích cực từ thị trường.

Năm 2017, Công ty TNHH MTV Nước giải khát Sanna Khánh Hòa tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần đầu, chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa.

Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa có vốn điều lệ 50 tỷ đồng, tương đương 5 triệu cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Công ty đã bán 49% cổ phần cho người lao động, nhà đầu tư phổ thông, nhà đầu tư chiến lược, 51% còn lại do Nhà nước nắm giữ. Sau khi cổ phần hóa, giai đoạn 2017 - 2019, Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa sẽ phát huy thế mạnh cung cấp các sản phẩm nước uống đóng chai và nước giải khát mang thương hiệu Sanna. Đồng thời, tiếp tục đầu tư nghiên cứu các dòng sản phẩm mới có khả năng đáp ứng đòi hỏi khắt khe của thị trường.

2018-2019

Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa được Ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận trở thành Công ty đại chúng.

Công ty tiếp tục phát huy truyền thống nghiên cứu và phát triển, phấn đấu cho ra đời nhiều dòng sản phẩm mới, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng. Với phương châm "Đồng hành cùng thể thao Việt Nam", với dòng sản phẩm của Công ty đã được vinh danh tại các sự kiện lớn của quốc gia và quốc tế như: vòng chung kết Giải bóng rổ U21 Châu Á, vòng chung kết Giải bóng chày thiếu niên Quốc tế, Giải vô địch Futsal toàn quốc cùng các sự kiện thể thao lớn trong và ngoài nước. Đồng thời thương hiệu Sanna cũng đồng hành và nuôi dưỡng các đội bóng đá Futsal Sanna, đội bóng chuyên Sanna, đội bóng chuyên bãi biển Sanna, đội U21 tỉnh Khánh Hòa và luôn đạt thành tích tốt trong top các đội dẫn đầu.

2020

Sau 3 năm hoạt động dưới mô hình Công ty Cổ phần, Công ty đã đạt được nhiều tiến bộ vượt bậc và hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn đạt hiệu quả tương đối trong bối cảnh nền kinh tế bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19.



CÁC THÀNH TỰU & GIẢI THƯỞNG

Những thành tựu mà Công ty đã đạt được từ khi thành lập đến nay tiêu biểu như:

- Bằng khen: Tập thể Nhà máy NGK Sanna đã có thành tích trong công tác từ năm 2009 – 2011, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ Quốc của Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam ngày 31/07/2012.
- Bằng khen: Nhà máy NGK Sanna đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác năm 2011 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa ngày 03/07/2012.
- Bằng khen: Nhà máy NGK Sanna đã có thành tích xuất sắc trong công tác tham mưu, tổ chức, tham gia đại hội TDTT các cấp của Tỉnh lần thứ VII năm 2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa ngày 24/12/2013.



Những giải thưởng mà Công ty đã đạt được từ khi thành lập đến nay tiêu biểu như:

- Thương hiệu mạnh Việt Nam: Thời báo Kinh tế Việt Nam ngày 4/8/2011.
- Chứng nhận Danh hiệu Hàng Việt Nam chất lượng cao 2012 do người tiêu dùng bình chọn.
- Top 50 thương hiệu uy tín - Chất lượng vì sức khỏe cộng đồng do Tạp chí Sức khỏe và môi trường bình chọn.
- Nước chanh dây Sanna đạt Top 10 Sản phẩm chất lượng cao 2018.
- Top 100 Thương hiệu Tiêu biểu Châu Á - Thái Bình Dương năm 2019.



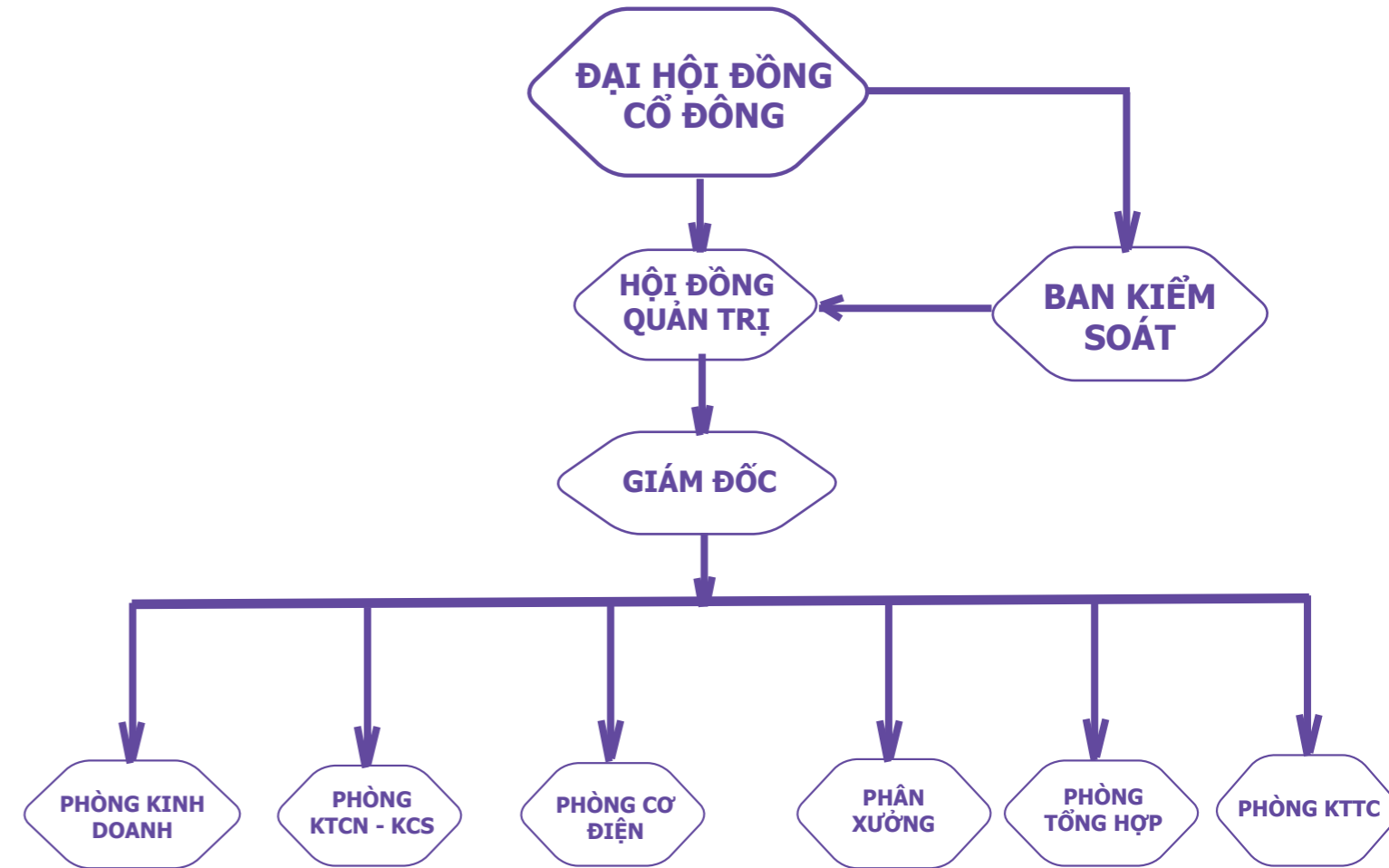


Ngành nghề kinh doanh

STT	TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH
1	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu.	0899
2	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa.	1050
3	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng.	1104 (chính)
4	Bán buôn thực phẩm.	4632
5	Bán buôn đồ uống. Chi tiết: bán buôn đồ uống không cồn, rượu, bia.	4633
6	Điều hành tua du lịch. Chi tiết: kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế.	7912
7	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: bán lẻ đồ uống không cồn, rượu, bia.	4723
8	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.	4933
9	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: kinh doanh khách sạn, làng du lịch.	5510
10	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.	5610
11	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh.	4722
12	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh.	2023

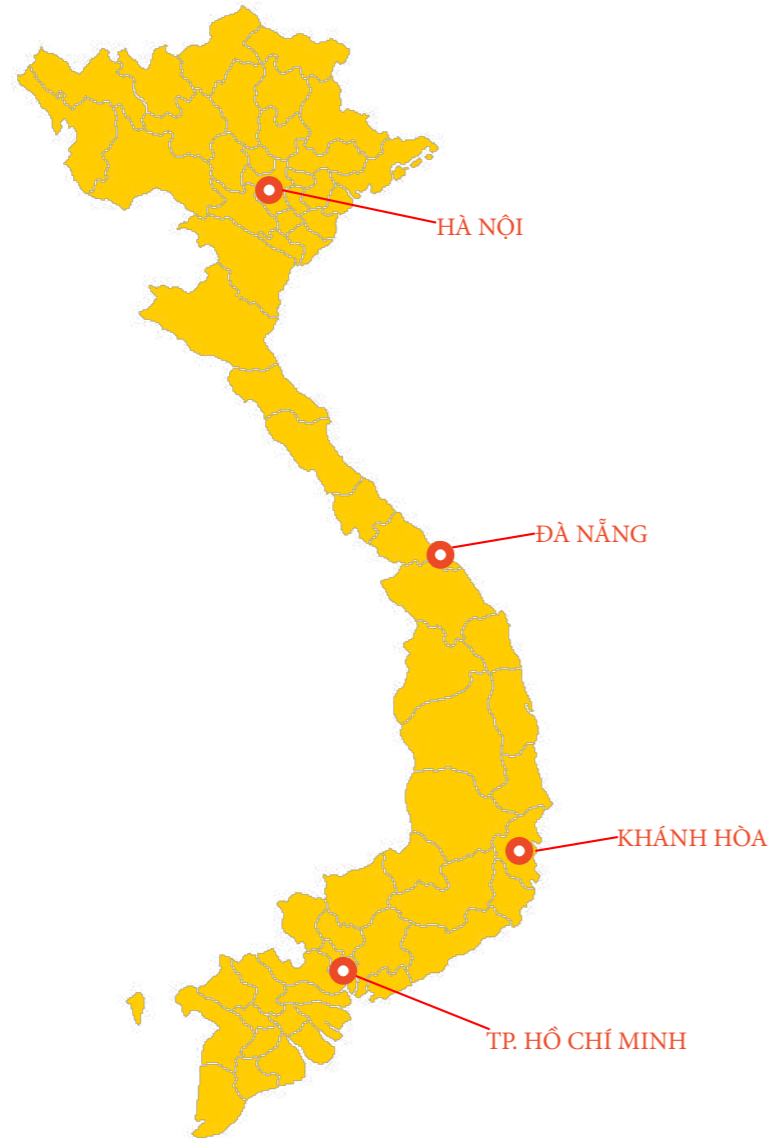


Cơ cấu tổ chức



Công ty con, Công ty liên kết

Công ty không có công ty con và công ty liên kết.



Địa bàn kinh doanh

Công ty có trụ sở tại tỉnh Khánh Hòa, với hệ thống phân phối đa dạng từ tiền thân là thành viên của Công ty TNHH NN MTV Yến Sào Khánh Hòa. Công ty đã phát huy thế mạnh thị phần từ hệ thống phân phối trước đây từ những bạn hàng, đối tác các cửa hàng giới thiệu sản phẩm trên toàn quốc, hệ thống các đại lý phân phối, các hệ thống siêu thị, nhà thuốc, tạp hóa, shop bán hàng... phân phối sản phẩm rộng khắp trên toàn quốc; các hệ thống tour du lịch lữ hành, mở rộng mạng lưới bán lẻ.

Khu vực thị trường trọng điểm: Khánh Hòa, TP.HCM, Đà Nẵng, Đắk Lắk, Phú Yên, Ninh Thuận...; Các chi nhánh lớn của hệ thống của Tổng Công ty Yến Sào Khánh Hòa trong nước như TP. HCM, Đà Nẵng, Hà Nội tạo đà để Sanna vươn ra những vùng kinh tế trọng điểm trải rộng khắp Việt Nam.





Các mục tiêu chủ yếu của công ty

Mục tiêu của Công ty là giữ vững thương hiệu và khách hàng đang có, gia tăng chiếm lĩnh thị phần trong và ngoài nước; đẩy mạnh công tác marketing phát triển thêm khách hàng mới. Trong thời gian sắp tới Công ty sẽ tiếp tục nghiên cứu phát triển thêm các dòng sản phẩm mới với định hướng là đa dạng hóa sản phẩm để đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng. Đồng thời, Công ty cũng sẽ nghiên cứu để đổi mới mẫu mã bao bì, hình thức sản phẩm để từng bước tạo dựng một thương hiệu sản phẩm riêng của Công ty Sanna trong ý thức của người tiêu dùng.

Chiến lược trung và dài hạn

Chiến lược mở rộng thị trường

Việt Nam kiểm soát hiệu quả tình hình đại dịch Covid-19 mở ra triển vọng một nền kinh tế vĩ mô ổn định đem đến đồng thời những cơ hội tiềm năng và cả những thách thức lớn đối với ngành FMCG nói chung và F&B nói riêng. Đó là các hiệp định thương mại như EVFTA, CPTPP mở ra cơ hội xuất khẩu, lượng vốn đầu tư nước ngoài nhiều hơn, thu hút phát triển và chuyển giao công nghệ nhưng đi kèm là các áp lực cạnh tranh đến từ các tập đoàn vững mạnh trên thế giới. Năm bắt tình hình thay đổi trong môi trường kinh doanh, ban lãnh đạo chủ động xây dựng các kế hoạch cải thiện công nghệ, kỹ thuật và hệ thống sản xuất, tích cực quảng bá hình ảnh công ty trên truyền thông... từ đó đứng vững trước áp lực cạnh tranh và tận dụng triệt để cơ hội từ nền kinh tế phẳng để mở rộng thị phần kinh doanh.

Chiến lược Marketing

Giai đoạn “bình thường mới” định hình lại hành vi người tiêu dùng. Tập khách hàng phân mảnh hơn dẫn đến nhu cầu đối với từng nhóm sản phẩm cũng trở nên riêng biệt hơn. Hiểu được sự thay đổi này sẽ trở thành động lực dẫn dắt thị trường, Ban lãnh đạo chủ động xây dựng các chiến lược kinh doanh bám sát diễn biến thị hiếu người tiêu dùng ở quy mô hộ gia đình. Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị sẽ tập trung nghiên cứu phát triển lộ trình chuyển đổi số doanh nghiệp cụ thể. Từ đó ứng dụng quy trình công nghệ hiện đại trong hoạt động sản xuất và quản lý công việc hằng ngày.



Chiến lược phân phối

Hoạt động bán lẻ của ngành F&B diễn ra qua những kênh sau: truyền thống (General Trade), hiện đại (Modern Trade), nhà hàng (Key account) và chuỗi bán lẻ riêng của từng hãng. Hiện tại kênh truyền thống vẫn chiếm tỷ trọng đa số nhưng sự trỗi dậy mạnh mẽ của lĩnh vực thương mại điện tử với tăng trưởng CAGR doanh số bán hàng luôn trên 2 chữ số qua các năm. Cho rằng đây là cơ hội để đẩy nhanh đổi mới sáng tạo, đổi mới từ hệ thống phân phối: điều chỉnh tỷ trọng giữa kênh truyền thống và kênh hiện đại, gia tăng trải nghiệm khách hàng khi mua sắm, đổi mới từ thiết kế bao bì thân thiện với môi trường hơn đến đổi mới phát triển các dòng sản phẩm tăng cường sức khỏe cho người tiêu dùng.

Song song với kế hoạch tập trung phát triển kênh bán lẻ hiện đại (Modern Trade), Công ty vẫn duy trì các chính sách đối với nhà phân phối, đại lý lớn, tổ chức hội nghị khách hàng, có các chính sách khuyến khích khách hàng tiêu thụ sản phẩm của Công ty: như chính sách ưu đãi giá, chính sách hỗ trợ quảng cáo, biển hiệu cho các nhà phân phối tích cực mở rộng kênh bán hàng và tập trung phát triển hệ thống phân phối để mở rộng địa bàn kinh doanh sang các tỉnh thành lân cận các thành phố lớn.



Rủi ro kinh tế

Với đặc thù ngành bán lẻ nói chung và tiểu ngành tiêu dùng thực phẩm nói riêng, tốc độ tăng trưởng doanh thu của doanh nghiệp phụ thuộc rất nhiều vào yếu tố ổn định kinh tế vĩ mô, và tăng trưởng thu nhập của người dân ở thị trường tiêu thụ. Do đó, các sự kiện ảnh hưởng đến nền kinh tế toàn cầu và Việt Nam như thương chiến Mỹ - Trung, Covid-19 sẽ gây tác động tiêu cực đến quá trình tăng trưởng của doanh nghiệp.

Năm 2020, mặc dù là một trong bốn nền kinh tế tăng trưởng dương (Việt Nam, Trung Quốc, Đài Loan, Ai Cập) nhưng Việt Nam không tránh khỏi ảnh hưởng nặng nề từ đợt suy thoái này của nền kinh tế thế giới. Cụ thể tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2020 chỉ đạt 2,91% theo số liệu của Tổng Cục thống kê, thấp nhất trong 10 năm trở lại đây. Sang 2021, các tổ chức kinh tế uy tín của Quốc tế như World Bank, IMF... dự đoán tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam sẽ phục hồi quanh ngưỡng 6,8% từ đó mở ra cơ hội phục hồi mạnh mẽ cho toàn ngành bán lẻ đặc biệt là ở mảng tiêu dùng thực phẩm của SKN.

Ngoài ra, với đặc thù ngành nghề kinh doanh thì nguyên vật liệu đầu vào của các doanh nghiệp trong lĩnh vực nước giải khát sẽ bao gồm bao bì, chai lọ... có nguồn gốc từ dầu khí. Do đó, biến động giá dầu thô cũng sẽ tác động tới cơ cấu chi phí của SKN.

Rủi ro an toàn thực phẩm

Hiện tại ở Việt Nam, các điều luật về bảo vệ môi trường, nguồn nước, không khí... vẫn chưa được hoàn thiện. Các quy định về xả thải trực tiếp ra môi trường còn chưa rõ ràng. Trong quá khứ đã có rất nhiều trường hợp các nhà máy sản xuất xả thải trực tiếp ra các con sông lớn gây ô nhiễm nghiêm trọng nguồn nước. Bên cạnh đó, ý thức bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn nước của đại bộ phận người dân còn chưa cao. Do đó đối với một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất nước giải khát có nguyên liệu đầu vào chủ yếu là nguồn nước từ thiên nhiên thì đây thực sự là một rủi ro quan trọng của không chỉ riêng SKN mà còn là cả ngành sản xuất đồ uống, vì chỉ cần sơ suất trong khâu xử lý nguyên liệu đầu vào thì sản phẩm bán ra có thể gây hại đến sức khỏe người tiêu dùng, ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh của Công ty. Để đối mặt với rủi ro này, Công ty luôn chủ động trong việc kiểm tra chất lượng nguồn nước từ thiên nhiên, kiểm tra định kỳ ít nhất 12 lần/năm, đảm bảo nguồn nước đầu vào cho sản xuất phải đạt chuẩn các chỉ tiêu của Bộ Y tế và của riêng Công ty.

Rủi ro quy trình sản xuất

Sản phẩm chính của Công ty là nước suối đóng chai có nguồn gốc từ thiên nhiên, Công ty phải chấp hành nghiêm chỉnh nhiều quy định về điều kiện sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc quản lý của Bộ Y tế. Công ty phải đảm bảo được những quy định khắt khe về nguồn nước đầu vào như: nguồn nước sử dụng trong sản xuất phải bảo đảm phòng tránh bất kỳ sự ô nhiễm nào hoặc yếu tố ngoại lai ảnh hưởng đến chất lượng nước; các nguồn nước do cơ sở khai thác phải được kiểm tra và bảo đảm phù hợp với quy định về chất lượng.

Ngoài ra, còn cần phải đảm bảo về thiết bị dụng cụ, tiệt trùng, khử trùng sản phẩm, địa điểm, môi trường, thiết kế xây dựng nhà xưởng, kết cấu nhà xưởng, hệ thống thông gió, chiếu sáng, cung cấp nước, xử lý chất thải, hơi nước và khí nén, nhà vệ sinh, khu vực thay đồ bảo hộ lao động, nguyên liệu và bao bì thực phẩm. Qua đó, ta có thể thấy riêng trong ngành sản xuất thực phẩm,

để đưa được sản phẩm đến tay người tiêu dùng, Công ty phải thực hiện rất nhiều bước và các bước phải đảm bảo đúng theo quy định của Bộ Y tế thì mới có thể đảm bảo được sức khỏe và an toàn của người tiêu dùng. Nhận thấy tầm quan trọng của rủi ro này, Công ty luôn kiểm tra định kỳ nguồn nước, dây chuyền hệ thống sản xuất, không ngừng nâng cao chất lượng của sản phẩm đầu ra để giảm thiểu tối đa rủi ro trong quy trình sản xuất, bởi một khi có rủi ro ở quy trình này xảy ra thì không chỉ sức khỏe của người tiêu dùng bị ảnh hưởng mà đến cả hình ảnh của Công ty cũng sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng.

Rủi ro chính sách

Đối với một đất nước đang phát triển như Việt Nam, các quy chuẩn về vệ sinh dịch tễ, an toàn

thực phẩm hoặc các quy định chất lượng nguyên liệu đầu vào hoặc sản phẩm đầu ra chưa thực sự hoàn thiện. Khi tham gia các FTAs, điều này đòi hỏi Việt Nam phải đáp ứng được các tiêu chuẩn nghiêm ngặt về vệ sinh an toàn thực phẩm, về môi trường và sức khỏe. Ngoài ra, thuộc lộ trình quy hoạch phát triển ngành, Bộ Công thương và các cơ quan ban ngành liên quan có thể ban hành các chính sách đòi hỏi các cơ sở sản xuất kinh doanh phải thay đổi phương thức vận hành hoặc nâng cấp trang thiết bị... Việc này có tác động tiêu cực trong ngắn hạn lên sản lượng sản xuất do các cơ sở kinh doanh có thể nhất thời chưa đáp ứng được yêu cầu nên tạm ngừng sản xuất hoặc giảm số lượng sản xuất. Ngoài ra, một số chính sách về mặt kỹ thuật như Khoản 5, Điều 1, Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/06/2013 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp 2013 quy định rằng chi phí quảng cáo, tiếp thị, khuyến mãi, hoa hồng môi giới... không vượt quá 15% chi phí thực tế phát sinh trong kỳ. Quy định này hạn chế việc quảng bá thương hiệu các sản phẩm, hoặc tạo chỗ đứng trên thị trường cho nhãn hiệu mới của các doanh nghiệp nội địa khi quy mô của các doanh nghiệp vốn đã nhỏ hơn so với các doanh nghiệp FDI.





Rủi ro liên quan chuỗi phân phối

Trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh Đồ uống, hệ thống phân phối sẽ quyết định vị trí và thị phần của công ty đó trên thị trường, trong nhiều trường hợp sẽ quyết định tính thành bại của một sản phẩm hoặc sự tồn tại của công ty đó. Đối với SKN, mặc dù chiếm được thị phần khá lớn ở các địa bàn kinh doanh chủ lực như ở khu vực tỉnh Khánh Hòa, nhưng để tiến xa hơn sang các thị trường kinh doanh lớn như Tp.Hồ Chí Minh và Thủ đô Hà Nội thì đây thực sự là bài toán khó khi mà các công ty nước ngoài trong lĩnh vực nước giải khát như Pepsico, CocaCola, URC,... đã sử dụng chi phí lớn để xây dựng, phát triển hệ thống phân phối vượt trội với hàng hóa bao phủ rộng khắp các miền Việt Nam. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp nước ngoài có thể đưa ra chính sách linh hoạt về tài chính, cũng như cung cấp các tiện ích hợp lý cho hệ thống nhà hàng, quán ăn, đôi khi là các hợp đồng phân phối độc quyền sản phẩm, khiến cho SKN gặp khó khăn trong việc tiếp thị sản phẩm đến tay người tiêu dùng. Ý thức được rủi ro này, SKN cùng với các Công ty thành viên trong hệ thống Yến sào Khánh Hòa đã xây dựng các kênh bán lẻ riêng của mình để bảo vệ thị phần và hướng tới tăng trưởng bền vững trong tương lai.

Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro đã đề cập ở trên, đặc thù ngành còn những rủi ro như:

+ Truyền thông: Vì là sản phẩm tiêu dùng thiết yếu nên hình ảnh sản phẩm của doanh nghiệp trên truyền thông rất quan trọng. Một khi hình ảnh bị tổn hại thì sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới doanh thu.

+ M&A: M&A (mua bán và sáp nhập doanh nghiệp) là một trong những hoạt động đặc trưng, biểu hiện sự cạnh tranh thị trường và ngày càng được tăng cường trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế. Trong kỳ vọng và trường hợp tốt nhất, M&A sẽ góp phần nâng quy mô, sức cạnh tranh, thị phần, danh tiếng và hiệu quả của doanh nghiệp lớn hơn, khởi đầu một chu kỳ phát triển mới. Mặt tiêu cực là M&A cũng là dấu chấm hết cho một doanh nghiệp hay một thương hiệu lâu năm, và có thể bị sử dụng cho mục tiêu thâm tóm, lũng đoạn thị trường và chi phối các lĩnh vực khác nhau.

+ Thay đổi khẩu vị người tiêu dùng: Ngành Đồ uống nói chung rất nhạy cảm với những thay đổi trong sở thích của người tiêu dùng. Khẩu vị của người tiêu dùng bị ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố bao gồm: tuổi tác; giới tính; các công bố trên truyền hình về trách nhiệm xã hội hoặc trách nhiệm về môi trường của doanh nghiệp; thay đổi về xu hướng phát triển ngành nghề liên quan như du lịch, khách sạn, bán lẻ; các báo cáo về tác hại của Đồ uống có ga, Đồ uống có cồn hoặc lợi ích của nước ép trái cây đối với sức khỏe của con người; sự thay đổi của thời tiết; sự thay đổi về phong cách sống.





Sanna

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tổ chức và nhân sự.

Tình hình tài chính.

Tình hình đầu tư, thực hiện dự án.

Tình hình cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu.

Phát triển bền vững.



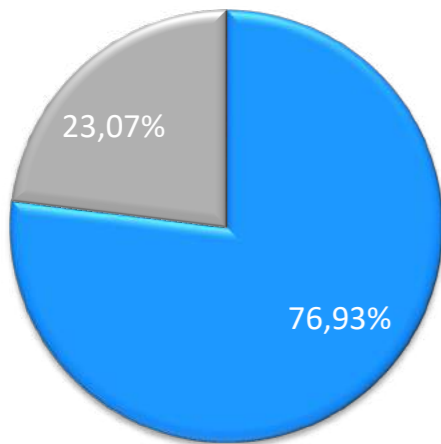
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Cơ cấu doanh thu thuần

ĐVT: Triệu đồng

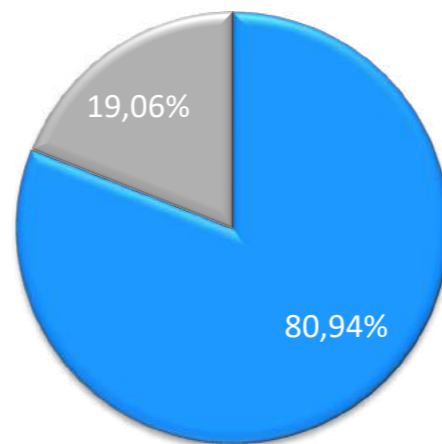
Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020		% tăng giảm
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
Doanh thu thuần bán thành phẩm	103.021	76,93%	71.771	80,94%	-30,33%
Doanh thu thuần bán hàng hóa	30.894	23,07%	16.898	19,06%	-45,30%
Tổng cộng	133.915	100,00%	88.669	100,00%	-33,79%
Sản lượng tiêu thụ (Sp)	47.511.897	-	33.111.743	100,00%	-33,79%

Sơ đồ cơ cấu doanh thu 2019

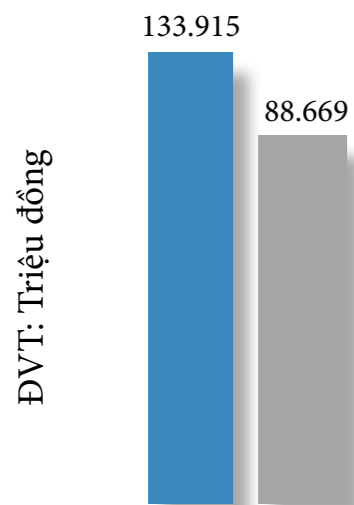


■ DT bán thành phẩm ■ DT bán hàng hóa

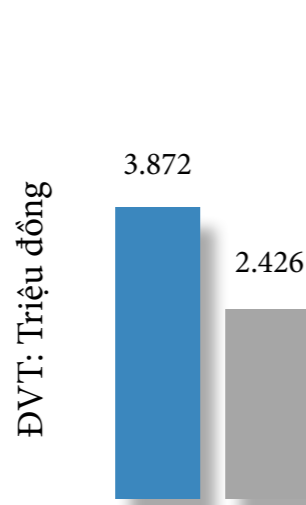
Sơ đồ cơ cấu doanh thu 2020



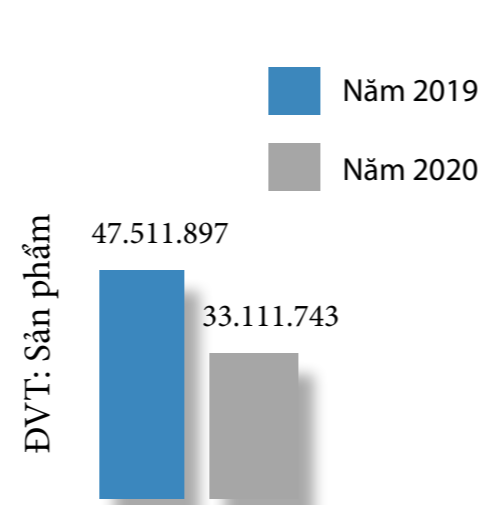
■ DT bán thành phẩm ■ DT bán hàng hóa



Doanh thu thuần



Lợi nhuận sau thuế



Sản lượng tiêu thụ

Tình hình kinh doanh của Công ty năm qua gặp khó khăn, cụ thể là cả hai nguồn doanh thu bán hàng hóa và bán thành phẩm của Công ty đều sụt giảm. Trong đó, doanh thu thuần bán hàng hóa bị ảnh hưởng nặng hơn khi sụt giảm hơn 40%, đây là hệ quả chủ yếu từ việc sản lượng tiêu thụ của Công ty bị sụt giảm hơn 30% nhưng giá bán không thể tiếp tục tăng vì tình hình cạnh tranh gay gắt ở lĩnh vực nước giải khát không cồn.

Trong năm 2020 cơ cấu doanh thu của Công ty vẫn không thay đổi. Nguồn thu chủ yếu vẫn nằm ở mục doanh thu bán thành phẩm chiếm tỷ trọng hơn 80% trong cơ cấu tổng doanh thu. So với năm 2019 thì doanh thu bán thành phẩm của Công ty sụt giảm hơn 30%, trong đó sản phẩm chủ lực của Công ty là nước uống đóng chai bị ảnh hưởng nặng nhất. Nguyên nhân chủ yếu là do tác động tiêu cực từ việc thực hiện giãn cách xã hội do đại dịch Covid-19, khiến cho ngành tiêu dùng và du lịch bị thiệt hại nặng nề, từ đó ảnh hưởng tiêu cực đến lực cầu sản phẩm của Công ty. Cụ thể, doanh thu đến từ các đối tác lâu năm của Công ty đã sụt giảm gần 42%, chủ yếu đến từ Công ty Cổ phần NGK Sannest Khánh Hòa. Bên cạnh đó, kể từ năm 2019 thì lĩnh vực kinh doanh nước giải khát không cồn của Công ty đã gặp phải sự cạnh tranh gay gắt từ các đối thủ lớn như Aquafina, Lavie, Vĩnh Hảo, Dasani...



Nước Chanh muối Sanna



Nước Chanh dứa Sanna



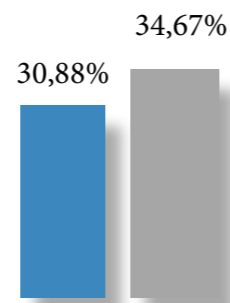
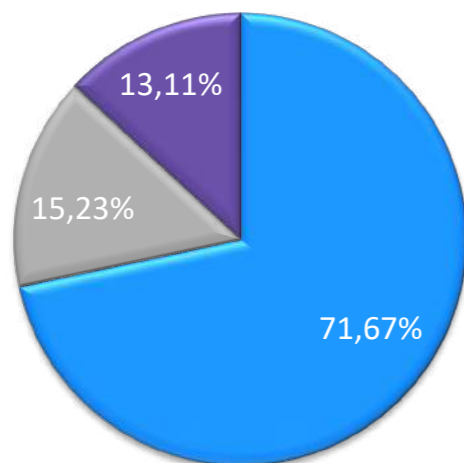
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Cơ cấu chi phí

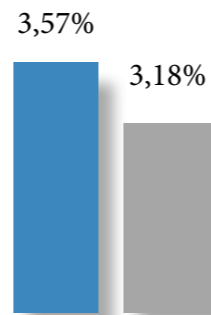
ĐVT: Triệu đồng

Chi tiêu	Năm 2019		Năm 2020		% tăng giảm
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
Giá vốn hàng bán	92.550	71,67%	57.930	67,43%	-37,41%
Chi phí bán hàng	19.673	15,23%	13.332	15,52%	-32,23%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	16.927	13,11%	14.647	17,05%	-13,47%
Tổng cộng	129.150	100,00%	85.909	100,00%	-33,48%

Sơ đồ cơ cấu chi phí 2019

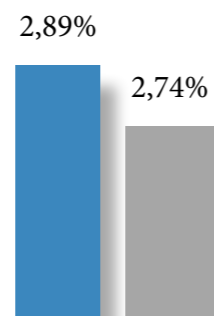
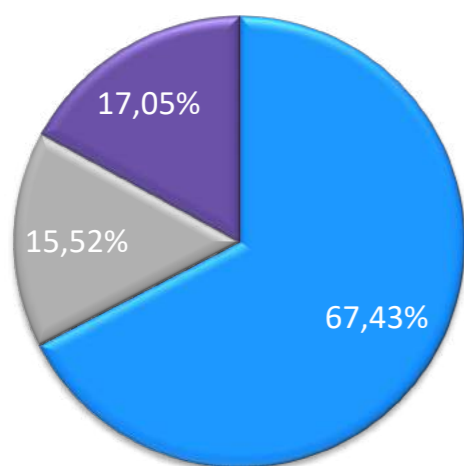


Biên lợi nhuận gộp



Biên lợi nhuận HĐKD

Sơ đồ cơ cấu chi phí 2020



Biên lợi nhuận ròng

■ Năm 2019
■ Năm 2020

Một điểm sáng của Công ty trong năm khó khăn vừa qua đó là tất cả các khoản mục chi phí quan trọng của Công ty đều giảm mạnh. Trong đó, mục giá vốn hàng bán giảm mạnh nhất (-37,41%). Việc giá vốn hàng bán giảm mạnh hơn tốc độ giảm doanh thu giúp cho biên lợi nhuận gộp của công ty tăng hơn 12% lên gần 35% trong năm 2020.

Mặc dù biên lợi nhuận gộp của Công ty được cải thiện hơn 12% nhưng biên lợi nhuận HĐKD và biên lợi nhuận ròng năm 2020 lại giảm so với năm 2019 vì tốc độ giảm của chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp chậm hơn tốc độ giảm của doanh thu. Nguyên nhân là Công ty bị động trong việc tiết giảm chi phí marketing và chi phí nhân sự do Công ty trong năm 2019 đã tăng giá bán sản phẩm, qua đó phải đẩy mạnh chi phí cho đội sale và chi phí quảng cáo để bảo vệ thị phần ở các địa bàn kinh doanh quan trọng.

Năm vừa qua, giá vốn hàng bán vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu chi phí của Công ty, hơn 67%. Tuy nhiên, cơ cấu chi phí của Công ty có sự chuyển dịch nhẹ, chi phí quản lý doanh nghiệp chỉ giảm hơn 13% so với chi phí bán hàng và giá vốn hàng bán, cả hai khoản mục này đều giảm hơn 30% theo tốc độ giảm doanh thu. Trong đó, các chi phí khác trong chi phí quản lý của Công ty tăng hơn 30%, nguyên nhân là vì Công ty phát sinh thêm các khoản phí để duy trì hoạt động trong mùa dịch Covid-19 và đợt bão diễn ra vào quý 4 năm 2020 ở miền Trung vừa qua.



Nước Rong biển Sanna



Danh sách Hội đồng quản trị

STT	THÀNH VIÊN	CHỨC VỤ	SỐ LƯỢNG CP SỞ HỮU	TỶ LỆ SỞ HỮU
1	Nguyễn Khoa Bảo	Chủ tịch HĐQT	859.712	17,19%
2	Nguyễn Văn Lành	Thành viên HĐQT	855.400	17,11%
3	Nguyễn Hạ Hiền	Thành viên HĐQT	850.000	17,00%
4	Nguyễn Ngọc Huy	Thành viên HĐQT	350.000	7,00%
5	Đào Minh Tú	Thành viên HĐQT	350.000	7,00%

Danh sách Ban điều hành

STT	THÀNH VIÊN	CHỨC VỤ	SỐ LƯỢNG CP SỞ HỮU	TỶ LỆ SỞ HỮU
1	Nguyễn Văn Lành	Giám đốc	855.400	17,110%
2	Nguyễn Lê Thùy Linh	Phó Giám đốc	5.100	0,102%
3	Nguyễn Thị Hạnh Quyên	Kế toán trưởng	8.000	0,160%

Danh sách Ban kiểm soát

STT	THÀNH VIÊN	CHỨC VỤ	SỐ LƯỢNG CP SỞ HỮU	TỶ LỆ SỞ HỮU
1	Nguyễn Thị Ngọc Quyên	Trưởng BKS	0	0%
2	Đinh Thị Thúy Phượng	Thành viên BKS	2.000	0,04%
3	Nguyễn Cao Kỳ	Thành viên BKS	0	0%

Sơ yếu lý lịch Ban Điều hành



Ông: NGUYỄN VĂN LÀNH
THÀNH VIÊN HĐQT KIÊM GIÁM ĐỐC

- Ngày sinh: 27/08/1972.
- Địa chỉ thường trú: 11C/4 Nguyễn Thiện Thuật, Nha Trang, Khánh Hòa.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân văn hóa.

• **Quá trình công tác:**

- + 1996 - 2005: Trưởng phòng Kinh doanh CTCP Dịch vụ Văn hóa và Quảng cáo Khánh Hòa.
- + 2005 - 2012: Phó Giám đốc Công ty CP Dịch vụ Văn hóa và Quảng cáo Khánh Hòa.
- + 2012 - 2017: Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV NGK Sanna Khánh Hòa.
- + 2017 - 06/2020: Phó Giám đốc Công ty CP NGK Sanna Khánh Hòa.
- + 06/2020 - Nay: Giám đốc Công ty CP NGK Sanna Khánh Hòa.

- **Chức vụ hiện nay tại Công ty:** Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc CTCP NGK Sanna Khánh Hòa.

- **Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không có.

- **Số cổ phần nắm giữ hiện nay:** Cá nhân nắm giữ là 5.400 CP chiếm 0,108% VDL, đại diện nắm giữ là 850.000 CP chiếm 17,00% VDL

- **Số cổ phần nắm giữ hiện nay của những người liên quan:** Không có.





Sơ yếu lý lịch Ban Điều hành

Bà: **NGUYỄN LÊ THÙY LINH**
PHÓ GIÁM ĐỐC



- Ngày sinh: 09/08/1981.
- Địa chỉ thường trú: 85 Hùng Vương, Lộc Thọ, Nha Trang, Khánh Hòa.
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ công nghệ thực phẩm.

• **Quá trình công tác:**

- + 2004 - 2007: Nhân viên kỹ thuật Tổ nấu phối chế Nhà máy NGKCC Yến sào.
- + 2007 - 2011: Nhân viên KCS Bộ phận Kiểm soát chất lượng Nhà máy NGKCC Yến sào.
- + 2011 - 2013: Phó bộ phận kiểm soát chất lượng Nhà máy NGKCC Yến sào.
- + 2013 - 2017: Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV NGK Sanna Khánh Hòa.
- + 2017 - Nay: Phó Giám đốc Công ty CP NGK Sanna Khánh Hòa.

• **Chức vụ hiện nay tại Công ty:** Phó Giám đốc CTCP NGK Sanna Khánh Hòa.

• **Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không có.

• **Số cổ phần nắm giữ hiện nay:** Cá nhân nắm giữ là 5.100 CP chiếm 0,102% VDL, đại diện nắm giữ là 0 CP.

• **Số cổ phần nắm giữ hiện nay của những người liên quan:** Không có.

Sơ yếu lý lịch Ban Điều hành

Bà: **NGUYỄN THỊ HẠNH QUYÊN**
KẾ TOÁN TRƯỞNG



- Ngày sinh: 02/03/1984.
- Địa chỉ thường trú: 21/9 Lương Đặc Bằng, Phường Vĩnh Hòa, Nha Trang, Khánh Hòa.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán.

• **Quá trình công tác:**

- + 2007 - 2010: Kế toán viên CTCP Khai thác thủy điện Sông Giang.
- + 2010 - 2011: Kế toán trưởng Chi nhánh CTCP Việt Khánh – Trường Cao đẳng Nghề Quốc tế Nam Việt.
- + 2011 - 2017: Nhân viên Ban quản lý dự án Công ty TNHH NN MTV Yến sào Khánh Hòa.
- + 07/2017 - 11/2017: Phó Bộ phận Kế toán Công ty TNHH MTV NGK Sanna Khánh Hòa.
- + 11/2017 - Nay: Kế toán trưởng Công ty CP NGK Sanna Khánh Hòa.

• **Chức vụ hiện nay tại Công ty:** Kế Toán Trưởng.

• **Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không có.

• **Số cổ phần nắm giữ hiện nay:** Cá nhân nắm giữ là 8.000 CP chiếm 0,16% VDL, đại diện nắm giữ là 0 CP.

• **Số cổ phần nắm giữ hiện nay của những người liên quan:** Không có.



DANH SÁCH THAY ĐỔI THÀNH VIÊN HĐQT, BĐH, BKS TRONG NĂM 2020

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Lê Thị Hồng Vân	Chủ tịch HĐQT	10/11/2017	27/06/2020
2	Nguyễn Thanh Hải	- Thành viên HĐQT - Giám đốc	Thành viên HĐQT: 10/11/2017	- Thành viên HĐQT: 27/06/2020 - Giám đốc: 27/06/2020
3	Bùi Hoàng Vũ	Thành viên BKS	10/11/2017	27/06/2020
4	Nguyễn Khoa Bảo	Chủ tịch HĐQT	27/06/2020	
5	Nguyễn Văn Lành	- Thành viên HĐQT - Giám đốc	- Thành viên HĐQT: 27/06/2020 - Giám đốc: 30/06/2020	
6	Nguyễn Cao Kỳ	Thành viên BKS	27/06/2020	





TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Số lượng cán bộ nhân viên tại ngày 31/12/2020

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
A	Theo trình độ lao động	169	100,00
1	Trình độ trên đại học	3	1,78
2	Trình độ đại học, cao đẳng	57	33,73
3	Trình độ trung cấp	29	17,16
4	Công nhân kỹ thuật	0	0
5	Lao động phổ thông	80	47,34
B	Tính chất hợp đồng lao động	169	100,00
1	Hợp đồng không thời hạn	134	79,29
2	Hợp đồng thời vụ	0	0
3	Hợp đồng xác định thời hạn	35	20,71
C	Theo giới tính	169	100,00
1	Nam	96	56,80
2	Nữ	73	43,20

Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Tổng số người lao động bình quân (người)	211	194	185	174
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	11.627.000	12.104.000	13.480.023	9.253.009





TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Chính sách nhân sự

Điều kiện và chế độ làm việc

An toàn lao động luôn là mối quan tâm hàng đầu của Công ty. Chính vì thế, Công ty đảm bảo tạo điều kiện làm việc tốt nhất cho người lao động với cơ sở vật chất khang trang, sạch sẽ, trang bị các phương tiện bảo hộ lao động cá nhân cho công nhân lao động trực tiếp, tổ chức khám sức khỏe định kỳ. Hằng năm, Công ty đều có kế hoạch và thực hiện cải tạo sửa chữa, nâng cấp nơi làm việc, trang bị mới trang thiết bị phục vụ cho hoạt động SXKD.



Chính sách tuyển dụng

Công ty đã chuẩn hóa quy trình tuyển dụng ứng với từng vị trí công việc cụ thể, thông qua đó, hiệu quả công tác tuyển dụng được nâng lên, tuyển dụng được nhiều ứng viên có năng lực chuyên môn và kỹ năng phù hợp. Chú trọng quy hoạch nhân sự cho công tác quản lý, ưu tiên xem xét, điều động, bổ nhiệm cho ứng viên nội bộ dựa vào năng lực, kinh nghiệm và mức độ phù hợp với vị trí, nhiệm vụ. Công ty cũng thực hiện chính sách đãi ngộ với mức lương thưởng hấp dẫn để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao về làm việc tại Công ty. Ngoài ra, cơ chế đánh giá nhân viên được quy định rõ ràng và được công khai minh bạch.



Chính sách lương thưởng, phúc lợi

Công ty thực hiện chi trả lương thưởng, phúc lợi theo quy chế trả lương, thưởng trong nội bộ Công ty. Công ty thực hiện xây dựng mức lương thưởng dựa trên cân đối các chỉ tiêu sau: năng lực của người lao động, thực trạng của doanh nghiệp, mức sống chung của người lao động. Ngoài ra, các quy định của Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế đều được Công ty áp dụng thực hiện tốt cho người lao động như: nghỉ phép, nghỉ ốm, lễ tết, chế độ thai sản, thăm nom khi gia đình có hủ sự....

Công ty thực hiện chính sách thưởng vào cuối năm. Đồng thời, Công ty cũng có chế độ khen thưởng kịp thời cho các tập thể, cá nhân có sáng kiến cải tiến sản xuất mang lại hiệu quả kinh tế cho Công ty.

Ban lãnh đạo Công ty đề ra các chính sách quan tâm đến đời sống, gia đình của người lao động như tặng quà khen thưởng con em của cán bộ công nhân viên đạt thành tích tốt, động viên kịp thời khi gia đình có hủ sự,... đảm bảo các tiêu chí phải phù hợp với từng vị trí công việc, kỹ năng và trình độ chuyên môn của CBCNV nhằm ghi nhận đúng mức năng lực và kết quả công việc của từng cá nhân.



Chính sách đào tạo

Những thành công mà Sanna đạt được hôm nay đều được tạo nên bởi tài sản quý giá nhất. Đó chính là nguồn nhân lực có trình độ, có tay nghề, đam mê công việc và luôn gắn bó với Công ty dù trải qua nhiều khó khăn. Hiểu được việc phát triển nguồn nhân lực có chất lượng là điều kiện tiên quyết để Công ty có thể trường tồn trong môi trường kinh doanh ngày càng khắc nghiệt. Công ty đã xây dựng các Quy trình đào tạo về kỹ năng chuyên môn như kỹ năng bán hàng, nội quy, quy chế, các sản phẩm mới của Công ty... cho các cán bộ công nhân viên của Công ty.



Chính sách đào tạo

Công ty luôn hướng đến sự phát triển chung nhất của các cán bộ, công nhân viên lao động. Cụ thể công ty thường cử đi tham gia những lớp tập huấn về nghiệp vụ nhằm nâng cao khả năng làm việc của CBCNV công ty, phát triển đội ngũ ngày một giỏi hơn, đáp ứng được yêu cầu của công việc. Trong năm 2020, Công ty đã cử CBCNV tham gia các khóa học sau:

STT	Tên khóa học	Số lượng (người)
1	Lớp Huấn luyện, Đào tạo lực lượng Bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp trường học.	2
2	Lớp Huấn luyện nghiệp vụ PCCC năm 2020.	13
3	Lớp Tập huấn kiến thức An toàn vệ sinh thực phẩm năm 2020.	83
4	Lớp Quản lý - Kiểm soát bộ hóa đơn điện tử, hóa đơn chứng từ và các khoản chi phí nhằm tối ưu bộ chứng từ cho Doanh nghiệp năm 2020.	3
5	Lớp Huấn luyện sơ cấp cứu cho CB CNLĐ.	10
6	Lớp Huấn luyện An toàn vệ sinh lao động cho CB CNLĐ.	132

Công ty luôn chú trọng đến công tác chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho CB CNLĐ: Các chế độ về Hợp đồng lao động, tiền lương, phụ cấp luôn được quan tâm thực hiện kịp thời, đúng hạn; 100% CB CNLĐ được ký hợp đồng lao động chính thức sau thời gian thử việc. Hằng năm, Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho 100% CB CNLĐ. Tổ chức tốt công tác tương thân, tương ái giúp đỡ lẫn nhau khi đau ốm, hoạn nạn.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CƠ CẤU TÀI SẢN

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chi tiêu	31/12/2019	31/12/2020	% tăng giảm
A	Tài sản ngắn hạn	37.245	42.605	14,39 %
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	8.653	9.050	4,59 %
2	Các khoản phải thu ngắn hạn	21.371	24.743	15,78 %
3	Hàng tồn kho	6.997	8.413	20,24 %
4	Tài sản ngắn hạn khác	223	399	78,92 %
B	Tài sản dài hạn	26.475	21.372	-19,27 %
1	Các khoản phải thu dài hạn	86	86	-
2	Tài sản cố định	12.508	9.184	-26,57 %
3	Tài sản dài hạn khác	13.881	12.102	-12,82 %
	Tổng tài sản	63.719	63.977	0,40 %

Tại ngày 31/12/2020, tổng tài sản của SKN tăng nhẹ 0,40% so với đầu năm, trong đó có sự chuyển dịch cơ cấu giữa tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn. Trong năm 2020, tài sản ngắn hạn của Công ty tăng hơn 14%, ngược lại tài sản dài hạn lại giảm gần 20%. Sự thay đổi cơ cấu tài sản của Công ty chủ yếu do trong năm Công ty phát sinh khoản phải thu ngắn hạn đối với đa số các khách hàng về hoạt động kinh doanh của Công ty. Khoản phải thu này hơn 2.800.000.000 đồng phát sinh chủ yếu là do Công ty chia sẻ khó khăn với các khách hàng của mình, chiếm 52,24% khoản tăng thêm của lượng tài sản ngắn hạn. Ngoài ra, sự biến động mạnh của hàng tồn kho cũng làm tăng lượng tài sản ngắn hạn trong đó lượng thành phẩm giảm hơn 1.800.000.000 tỷ, ngược lại, công cụ, dụng cụ, bao bì lại tăng hơn 3.700.000.000 tỷ.

Ở chiều ngược lại, tài sản dài hạn của Công ty lại giảm gần 20%, nguyên nhân chính là do khấu hao tài sản cố định trong năm 2020 gần 4 tỷ, chiếm 78% khoản giảm của tài sản dài hạn. Trong khi đó, Công ty lại chỉ đầu tư thêm phương tiện vận tải trị giá 649.180.909 đồng.

CƠ CẤU NỢ

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chi tiêu	31/12/2019	31/12/2020	% tăng giảm
A	Nợ ngắn hạn	12.419	10.251	-17,46 %
1	Phải trả người bán ngắn hạn	7.265	8.814	21,32 %
2	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	432	0	-100,00%
3	Phải trả người lao động	1.212	901	-25 ,66 %
4	Chi phí phải trả ngắn hạn	732	420	-42,62 %
5	Phải trả ngắn hạn khác	2.746	84	-96,94 %
6	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	33	33	-
B	Nợ dài hạn	-	-	-
	Tổng nợ phải trả	12.419	10.251	-17,46%

Tương tự cơ cấu tài sản, cả vốn chủ sở hữu và nợ của Công ty cũng có sự chuyển dịch trái chiều, khi tổng nợ phải trả của Công ty giảm hơn 17%. Nguyên nhân chính là vì Công ty đã chủ động thực hiện các khoản cổ tức phải trả với tỷ lệ trả cổ tức bằng tiền mặt 5,11% trong năm 2020.

Đối với khoản phải trả người bán ngắn hạn có sự tăng thêm 21,32% là do sự gia tăng khoản phải trả của Công ty đối với các đối tác cung cấp bao bì sản phẩm và chai nhựa.

Trong năm 2020, Ban lãnh đạo cũng tiên liệu được khó khăn nên đã tổ chức đại hội cổ đông bất thường điều chỉnh giảm 14,85% mục tiêu doanh thu và 19,31% mục tiêu lợi nhuận do đó giảm hơn 42% các chi phí phải trả ngắn hạn, chủ yếu là khoản trích trước chi phí tiếp thị bán hàng.

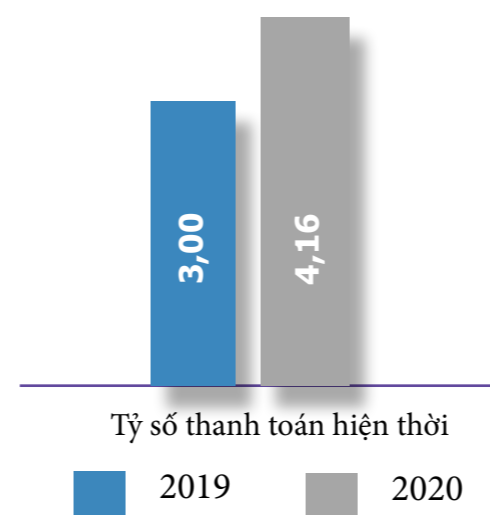
Điểm tích cực và cũng là lợi thế của Công ty là suốt 5 năm qua Công ty không sử dụng nợ vay để tài trợ cho các khoản sản xuất kinh doanh của mình. Điều này mở ra cho Công ty cơ hội huy động được dòng vốn giá rẻ để gia tăng công suất sản xuất và mở rộng thị phần khi có sự tiến triển trong tình hình kinh tế vĩ mô và sự tăng trưởng của ngành nước giải khát không cồn.



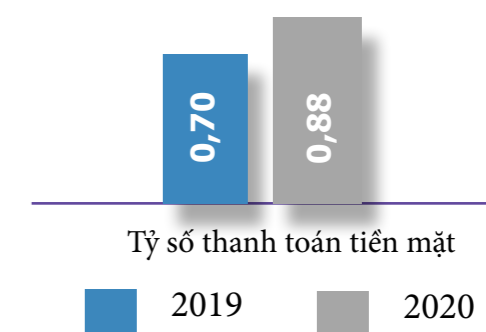
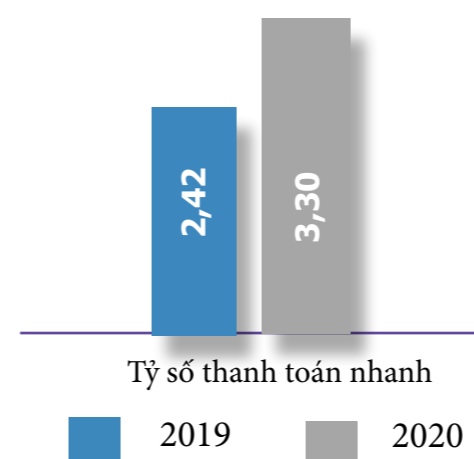
CÁC HỆ SỐ TÀI CHÍNH QUAN TRỌNG

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Tỷ số thanh khoản hiện thời	Lần	3,00	4,16
Tỷ số thanh toán nhanh	Lần	2,42	3,30
Tỷ số thanh toán tiền mặt	Lần	0,70	0,88
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,24	0,19
Hệ số Nợ/Tài sản	Lần	0,19	0,16
Đòn bẩy tài chính	Lần	1,27	1,22
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Lần	14,65	7,52
Vòng quay tổng tài sản	Lần	16,75	13,16
Những chỉ số về khả năng sinh lời			
ROE	%	7,55%	4,52%
ROA	%	6,08%	3,79%
Biên lợi nhuận gộp	%	30,88%	34,67%
Biên lợi nhuận HĐKD	%	3,57%	3,18%
Biên lợi nhuận ròng	%	2,89%	2,74%

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

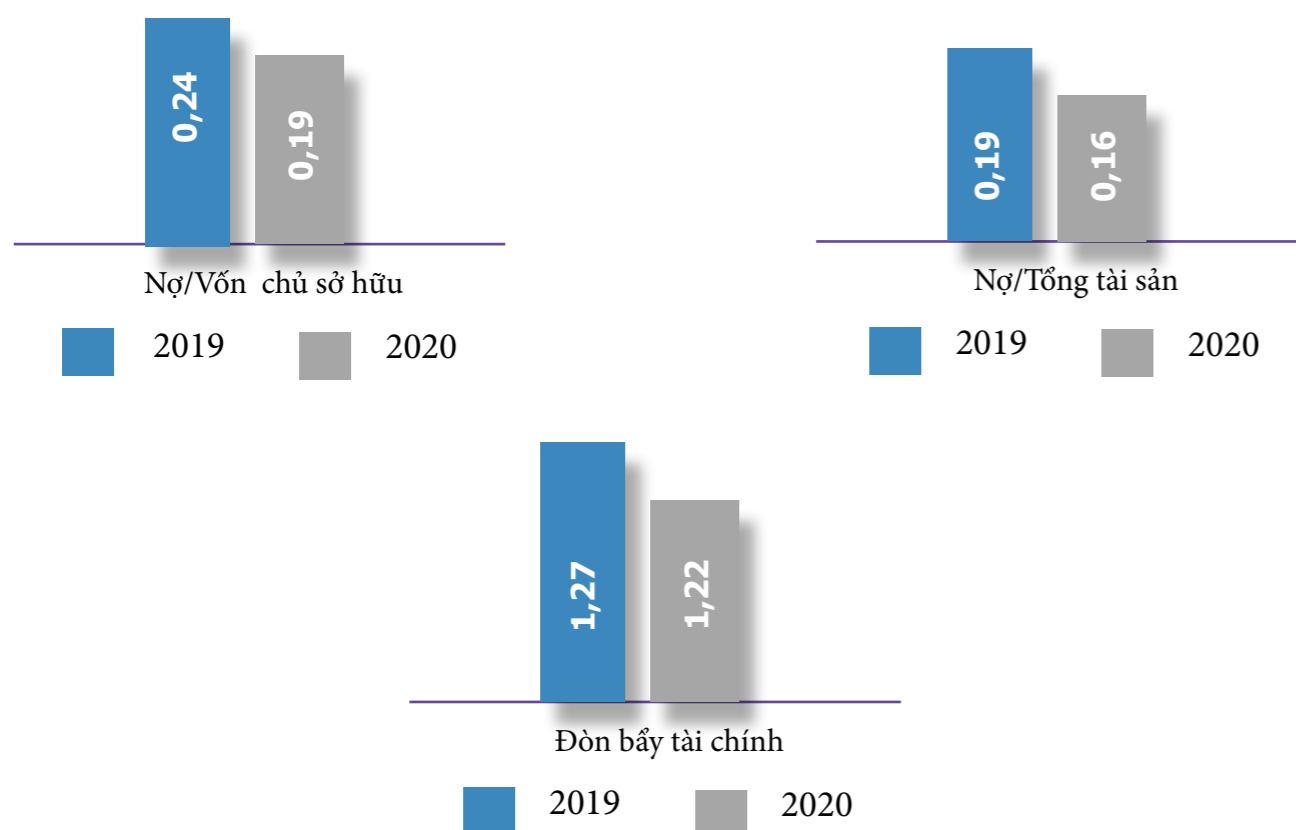


Tỷ số thanh khoản của Công ty trong các năm qua luôn được duy trì ở mức cao so với mặt bằng chung của toàn ngành. Cụ thể năm 2020 là 4,16, tăng gần 40% so với năm 2019. Điều đó cho thấy trong ngắn hạn, tiềm lực tài chính của Công ty khá vững vàng, đảm bảo cho các hoạt động hằng ngày diễn ra hiệu quả.



Về hai tỷ số thanh toán nhanh và thanh toán tiền mặt của công ty có sự biến động cùng chiều với tỷ số thanh toán hiện thời vì các tài khoản trong mục tài sản ngắn hạn của Công ty đều tăng so với năm 2020. Trong đó tăng mạnh nhất là khoản phải thu ngắn hạn của Công ty. Mặc dù lượng thành phẩm của Công ty giảm hơn 80% nhưng các tài sản khác như công cụ, dụng cụ, bao bì lại tăng mạnh, làm cho hàng tồn kho tăng hơn 20% so với năm 2019. Đối với lượng tiền và tương đương tiền của Công ty trong năm 2020 chỉ cải thiện một ít, do đó tỷ số thanh toán tiền mặt tăng ít hơn tỷ số thanh toán nhanh và tỷ số thanh toán hiện thời nhưng vẫn đảm bảo được tính thanh khoản ngắn hạn của Công ty khi cần thiết.

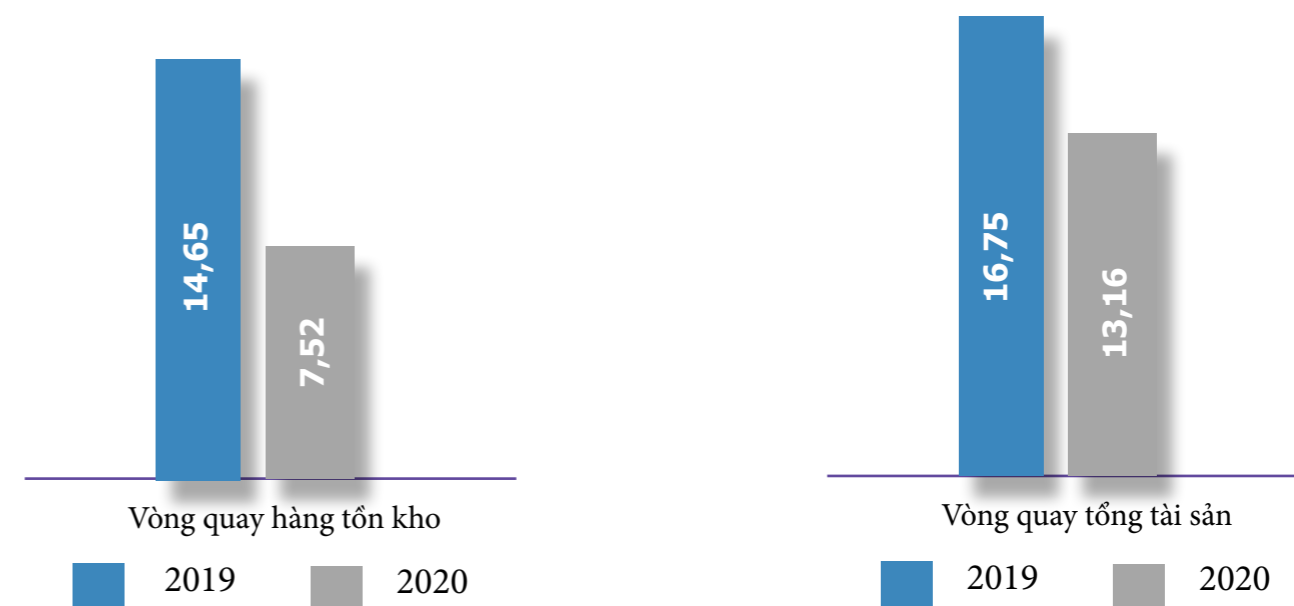
CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN



Về cơ cấu nguồn vốn của Công ty trong năm 2020 có sự tăng giảm ngược chiều giữa vốn chủ sở hữu và các khoản nợ phải trả. Trong đó, vốn chủ sở hữu của Công ty tăng tương ứng với khoản lợi nhuận sau thuế của năm 2020. Đối với các khoản nợ của Công ty, ngoài việc giảm do thực hiện chi trả lượng cổ tức phải trả thì các tài khoản khác như phải trả người lao động và chi phí trả trước ngắn hạn đều giảm hơn 20%. Trong năm 2020, Công ty không có các khoản nợ về thuế và phải nộp Nhà nước.

Sự thay đổi này khiến cho các chỉ số về cơ cấu vốn của Công ty được cải thiện. Trong nguồn vốn tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty hầu như không sử dụng nợ vay, cho nên các hệ số về đòn bẩy tài chính luôn ở mức thấp. Điều này phản ánh vấn đề hoạt động liên tục của Công ty được đảm bảo an toàn tuyệt đối trong ngắn hạn lẫn dài hạn.

CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG



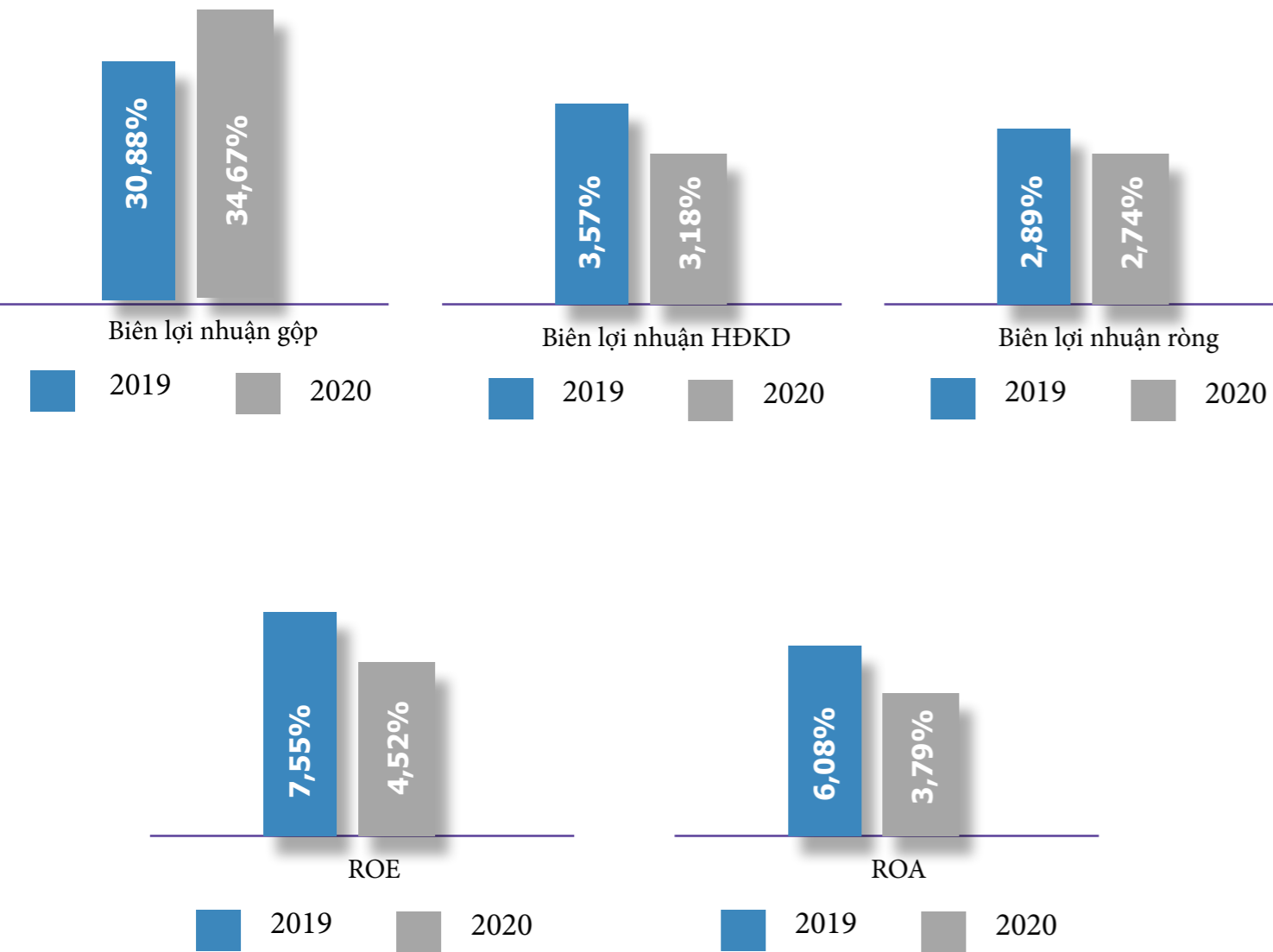
Về tổng quan, các tỷ số về năng lực hoạt động của công ty năm 2020 sụt giảm khá rõ nét so với 2019, phản ánh hợp lý tình hình khó khăn chung của toàn ngành nước giải khát năm 2020 từ rủi ro Covid-19 và đợt bão lũ diễn ra cuối năm 2020 ở các địa bàn kinh doanh chính của Sanna.

Vòng quay hàng hóa tồn kho của Công ty giảm 51% so với năm 2019 nguyên nhân là vì năm 2020 lượng hàng bán ra giảm khiến cho giá vốn hàng bán của Công ty sụt giảm hơn 30%, nhưng hàng hóa tồn kho lại tăng 20,24%. Trong đó, khoản mục vật tư tăng mạnh hơn 122% vì trong năm Công ty dự đoán tình hình giá vật tư nguyên vật liệu trong thời gian tới sẽ tăng, để đảm bảo hạn chế biến động chi phí CCDC, Công ty đã đầu tư vật tư trong tài khoản hàng hóa tồn kho.

Tỷ số vòng quay tổng tài sản của công ty sụt giảm 21,43% so với năm 2019 nguyên nhân là vì doanh số bán hàng của Công ty năm 2020 sụt giảm 33% so với năm 2019. Trong khi đó, tài sản ngắn hạn của Công ty lại tăng nhiều hơn mức giảm của tài sản dài hạn, chủ yếu là vì Công ty chia sẻ khó khăn với phần lớn khách hàng của mình là các tour du lịch, khách sạn, nhà hàng, nhà xe, các địa điểm buôn bán phục vụ du lịch trong việc gia hạn thanh toán.



CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI



Trong năm qua, các chỉ số về khả năng sinh lời của Công ty đều sụt giảm ngoại trừ biên lợi nhuận gộp. Sự sụt giảm trong khả năng tạo ra lợi nhuận của Công ty bị ảnh hưởng bởi việc khó khăn trong công tác bán hàng vì hơn 60% khách hàng của Công ty đến từ sự phát triển của ngành du lịch tại các địa bàn kinh doanh; do đó, việc sụt giảm trong kết quả kinh doanh của Công ty là hệ lụy từ sự thiệt hại nghiêm trọng của ngành du lịch và vận tải do thực hiện giãn cách xã hội trong các đợt bùng phát đại dịch Covid-19.

Tuy nhiên trong năm 2020 khó khăn, Công ty đã duy trì mối quan hệ bền vững với các nhà cung cấp từ đó tối ưu hóa được chi phí nguyên vật liệu đầu vào, cố gắng tinh gọn quy trình sản xuất và nâng cao năng suất lao động của CBCNV cho nên đã làm giảm đáng kể giá vốn của Công ty, bảo vệ được một phần lợi nhuận.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN

Trong năm 2020, Công ty đã thực hiện đầu tư 01 xe bán tải Mazda BT50 trị giá 649.180.909 đồng nhằm tăng cường công tác chăm sóc khách hàng, phục vụ hiệu quả công tác quảng bá tiếp thị sản phẩm.



TÌNH HÌNH CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

Thông tin cổ phiếu

Thông tin cổ phiếu

- Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng.
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 5.000.000 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.
- Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông.
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu.

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có.

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.



Cơ cấu cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông trong nước	5.000.000	50.000.000.000	100,00%
1	Cổ đông nhà nước	2.550.000	25.500.000.000	51,00%
2	Cổ đông tổ chức	1.050.000	10.500.000.000	21,00%
3	Cổ đông cá nhân	1.400.000	14.000.000.000	28,00%
II	Cổ đông nước ngoài	-	-	0,00%
1	Cá nhân	-	-	0,00%
2	Tổ chức	-	-	0,00%
III	Cổ phiếu quỹ	-	-	0,00%
	Tổng cộng	5.000.000	50.000.000	100,00%



PHÁT TRIỂN

BỀN VỮNG





SANNA

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN LIỆU

Công ty đã và đang triển khai sản xuất các dòng nước uống đóng chai không sử dụng màng co nắp nhằm giảm thải rác nhựa từ tháng 4/2020. Ngoài ra, Công ty đã có các nghiên cứu thử nghiệm các loại bao bì thân thiện với môi trường và dần tiến đến giảm thiểu sử dụng bao bì nhựa trong công tác sản xuất.

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Tiếp tục duy trì chính sách phát triển bền vững thông qua các hoạt động tiết kiệm năng lượng. Công ty đã mục tiêu hóa và đã triển khai thành các chỉ tiêu thực hiện cho nhiệm năm qua với nhiều hiệu quả. Theo đó, Công ty đã tiến hành thực hiện các hoạt động:

- Thực hiện kiểm toán năng lượng.
- Đào tạo nhận thức về tiết kiệm năng lượng cho toàn bộ CBCNV.
- Đánh giá, thực hiện kế hoạch giảm suất tiêu hao điện năng.

TIÊU THỤ NƯỚC

Nguyên liệu đầu vào của công ty là nước sạch để sản xuất nên Công ty luôn chủ động trong việc duy trì nguồn nước sạch thiên nhiên, các phụ gia thực phẩm khác đều có nguồn gốc xuất xứ, nhãn mác rõ ràng và được kiểm tra kỹ về chất lượng trước khi đưa vào sản xuất.

CHÍNH SÁCH VỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Cam kết duy trì và tiếp tục cải thiện môi trường làm việc cho CBCNV thông qua các hoạt động như: khám sức khỏe định kỳ, khám chuyên sâu phân loại bệnh, trợ cấp lương thưởng cho người lao động.

Hằng năm duy trì cử một số CBCNV tham gia các lớp đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ, đáp ứng các yêu cầu công việc theo pháp luật. Toàn bộ chi phí đào tạo được công ty chi trả.

Tiếp tục phát triển đội ngũ đa dạng, tôn trọng sự khác biệt, đảm bảo đầy đủ quyền lợi pháp luật quy định, gắn kết toàn thể nhân viên từ đó thúc đẩy sự đoàn kết, cùng tiến bộ trong hoạt động kinh doanh của công ty.

BÁO CÁO TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG.

Duy trì truyền thống về các hoạt động xã hội nhằm chăm lo cộng đồng địa phương nói chung và từng hoàn cảnh cá nhân khó khăn cần sự giúp đỡ mà Công ty biết được. Trong năm 2020, cả Công ty và toàn thể người lao động đã cùng chung tay có những đóng góp thiết thực và hiệu quả cho cộng đồng. Công ty đã tham gia ủng hộ, đóng góp vào quỹ "Vì người nghèo" và quỹ "Đền ơn đáp nghĩa" của xã Cam Thịnh Đông.



Tiếp tục phát triển đội ngũ đa dạng, tôn trọng sự khác biệt, đảm bảo đầy đủ quyền lợi pháp luật quy định, gắn kết toàn thể nhân viên từ đó thúc đẩy sự đoàn kết, cùng tiến bộ trong hoạt động kinh doanh của công ty."

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty phải gắn bó đến sự phát triển ổn định của kinh tế, xã hội. Trong năm 2020, Công ty luôn nỗ lực hết mình để tạo nên những giá trị tốt đẹp thông qua các chương trình hỗ trợ và phát triển cộng đồng.

Sự thân thiện với môi trường điển hình như tiếp tục hoạt động trồng cây xanh quanh nơi làm việc nhằm tạo thêm mảng xanh, góp phần tạo tâm lý thoải mái làm việc, nguồn không khí trong lành. Duy trì đánh giá tác động môi trường theo đúng quy định của ngành và cơ quan quản lý.



Sanna

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tình hình tài chính.

Những cải tiến về sản xuất, kinh doanh.

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

Kế hoạch phát triển trong tương lai.



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	% tăng giảm
Sản lượng tiêu thụ	Sản phẩm	54.193.925	47.511.897	33.111.743	-30,31%
Doanh thu thuần	Triệu đồng	153.999	133.916	88.669	-33,79%
Giá vốn hàng bán	Triệu đồng	113.178	92.550	57.930	-37,41%
Lợi nhuận từ HĐKD	Triệu đồng	4.487	4.783	2.820	-41,04%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	3.562	3.872	2.426	-37,34%

Sản lượng tiêu thụ của Công ty bị ảnh hưởng từ việc bán hàng khó khăn. Ngoài ra, các đợt bùng dịch khiến cho quy trình làm việc xuyên suốt của Công ty thường xuyên bị gián đoạn, người lao động ở bộ phận sản xuất bị thiếu khiến cho dây chuyền sản xuất 3000 sp/h không hoạt động hết công suất.

Nhưng nhờ vào các chính sách hợp tác đúng đắn từ phía Ban lãnh đạo, Công ty đã tối ưu được chi phí nguyên vật liệu đầu vào, làm giá vốn hàng bán giảm đến hơn 37% so với cùng kỳ góp phần làm cho biên lợi nhuận gộp của Công ty được cải thiện hơn 12%, hạn chế một phần ảnh hưởng tiêu cực từ đại dịch Covid-19.

Thuận lợi

Thực phẩm – Đồ uống nằm trong nhóm ngành hàng tiêu dùng nhanh (FMCG), nhiều năm nay luôn là một trong những ngành kinh tế quan trọng và còn nhiều tiềm năng phát triển của Việt Nam. Theo dự báo, ngành FMCG tại Việt Nam có tốc độ tăng trưởng từ 5-6% trong giai đoạn 2020-2025.

Sự thay đổi thị hiếu người tiêu dùng phù hợp với định hướng phát triển trong tương lai của Công ty. Cụ thể gồm 5 xu hướng sau:

- Sức khỏe là vàng.
- Ăn sạch, sống xanh.
- Chú trọng nhan sắc.
- Yêu bản thân, yêu cuộc sống.
- Trao quyền bản thân.

Nguồn cung đầu vào tiếp tục được duy trì ổn định nhờ vào nguồn nước ngầm tại trung tâm Vườn dừa Cam Thịnh Đông.

Nhận được sự hỗ trợ, chỉ đạo kịp thời từ Đảng ủy, Hội đồng thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty Yến sào Khánh Hòa khi dịch Covid-19 xảy ra ở Việt Nam. Các đồng chí lãnh đạo luôn động viên đội ngũ cán bộ quản lý điều hành, tạo điều kiện và hỗ trợ toàn diện CBCNV từ đó giúp Công ty giảm thiểu thiệt hại tối đa của năm khủng hoảng vừa rồi.

Khó khăn

Dịch Covid-19 khiến thu nhập của phần lớn người tiêu dùng bị ảnh hưởng, từ đó tác động tiêu cực đến nhu cầu các mặt hàng của Công ty.

Cách ly xã hội toàn quốc khiến cho chuỗi phân phối của Công ty bị đứt gãy trong thời gian ngắn, từ đó khiến doanh thu bán hàng bị sụt giảm.

Nghị quyết 41/2020/NĐ-CP về gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất không đưa ngành công nghiệp bia, rượu, nước giải khát vào trong nhóm đối tượng được thu hưởng. Ngành đồ uống giải khát vốn dĩ là ngành chịu thiệt hại nặng từ đại dịch Covid-19 nhưng lại không được hưởng hỗ trợ từ chính sách. Điều này khiến cho Công ty gặp áp lực trong việc cân đối nguồn thu và chi phí trong năm 2020.

Đợt mưa lũ cuối năm 2020 vừa qua khiến cho công tác sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bị gián đoạn.



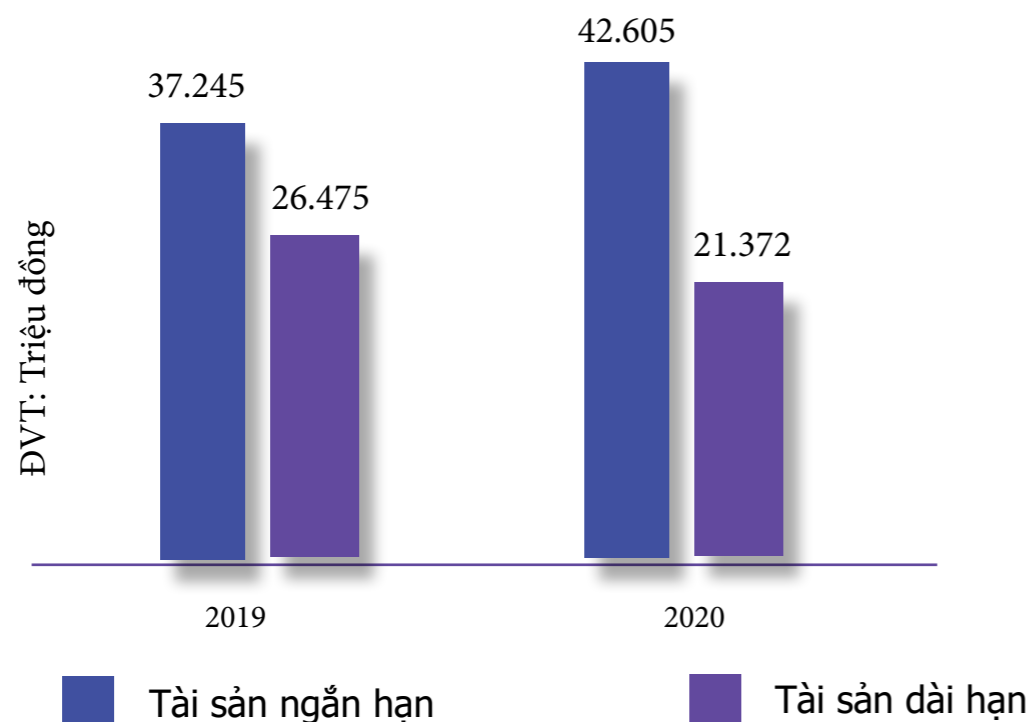
Nước Rong biển Sanna



Tình hình tài sản

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2019	Tỷ trọng 2019	Năm 2020	Tỷ trọng 2020	% Năm 2020/ Năm 2019
Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	37.245	58,45%	42.605	66,59%	14,39%
Tài sản dài hạn	Triệu đồng	26.475	41,55%	21.372	33,41%	-19,27%
Tổng tài sản	Triệu đồng	63.720	100,00%	63.977	100,00%	0,40%

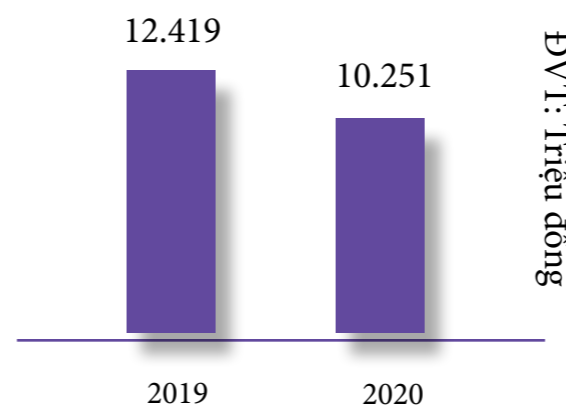


Tổng giá trị tài sản thay đổi ít so với cùng kỳ, nhưng cơ cấu tài sản ở năm 2020 lại có sự thay đổi lớn. Tài sản ngắn hạn đã tăng từ 37.245 tỷ đồng lên hơn 42.605 tỷ đồng ở thời điểm cuối năm 2020, nguyên nhân do giá trị hàng tồn kho tăng lên vì dây chuyền sản xuất của Công ty có những thời điểm bị gián đoạn nên lượng nguyên liệu thô như công cụ, dụng cụ, bao bì bị tồn đọng, và Công ty chủ động chia sẻ khó khăn với đối tác kinh doanh thông qua việc gia hạn thanh toán nên làm tăng khoản phải thu ngắn hạn. Ngược lại, tài sản dài hạn trong năm lại giảm 19,27% so với năm 2019, đến từ việc Công ty trích khấu hao gần 4 tỷ đồng tài sản cố định nhưng chỉ đầu tư thêm 650 triệu đồng các phương tiện vận tải.

Tình hình nợ phải trả

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2019	Tỷ trọng 2019	Năm 2020	Tỷ trọng 2020	% Năm 2020/ Năm 2019
Nợ ngắn hạn	Triệu đồng	12.419	100,00%	10.251	100,00%	-17,46%
Nợ dài hạn	Triệu đồng	-	-	-	-	-
Vay và nợ thuê tài chính	Triệu đồng	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	Triệu đồng	12.419	100,00%	10.251	100,00%	-17,46%



Tình hình nợ phải trả của Công ty

Toàn bộ nợ phải trả của Công ty đều là nợ ngắn hạn. Ở thời điểm cuối năm 2020, các khoản nợ của Công ty giảm xuống chỉ còn hơn 10 tỷ đồng, gần 17,5% so với cùng kỳ. Nguyên nhân là vì Công ty đã thực hiện chi trả đủ 100% lượng cổ tức phải trả trong năm 2020, với tỉ lệ thực hiện là 5,11%. Trong các năm qua, Công ty không sử dụng nợ vay tài chính để tài trợ hoạt động sản xuất kinh doanh. Nguồn vốn hoạt động chủ yếu đến từ lợi nhuận giữ lại và vốn cổ đông.



Công tác sản xuất

Áp dụng các mô hình, công cụ quản trị tiên tiến kết hợp với việc đầu tư và ứng dụng công nghệ hiện đại, nâng cao mức độ tự động hóa trong sản xuất để từng bước hình thành và áp dụng mô hình quản trị chuỗi cung ứng toàn diện trong hoạt động quản trị công ty.

Chú trọng phát triển chất lượng nguồn nhân lực để nâng cao hiệu quả công việc và đảm bảo sự phát triển dài hạn của Công ty. Đặc biệt quan tâm đến việc xây dựng một môi trường làm việc nội bộ thân thiện, an toàn và ưu tiên những lợi ích cho Người lao động.

Tích hợp hệ thống quản lý ISO 9001:2015, HACCP để đảm bảo thành phẩm nhập kho đạt chất lượng tốt nhất. Tối đa hóa công suất và năng lực sản xuất của các nhà máy, từ đó tối ưu hóa giá thành và cố gắng nâng cao biên lãi gộp. Tìm hiểu, ứng dụng công nghệ mới để nâng cao tỷ lệ thu hồi trong quá trình sản xuất.

Công tác bảo trì hệ thống máy móc thiết bị được triển khai thực hiện thường xuyên, chủ động trong việc dự phòng các chi tiết máy, nhân sự được phân công bám sát ca sản xuất khắc phục kịp thời các sự cố và đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định.

Công tác kinh doanh

Hệ thống kinh doanh tổ chức đẩy mạnh hoạt động quảng bá, tiếp thị, phát huy thế mạnh thị phần từ hệ thống các đại lý phân phối, cửa hàng giới thiệu sản phẩm,... của kênh bán hàng Yến sào Khánh Hòa nhằm tiếp cận sâu rộng với người tiêu dùng, thúc đẩy tăng trưởng doanh thu các vùng thị trường.

Bám sát thị trường trọng điểm: Khánh Hòa, Tp. HCM, Đà Nẵng, Phú Yên, Ninh Thuận...; Các chi nhánh của Công ty Yến Sào Khánh Hòa như: Hà Nội, Đà Nẵng, TP. HCM tạo nền tảng cơ sở để Sanna phát triển các kênh bán hàng.

Tăng cường công tác kiểm tra thị trường của nhân viên kinh doanh, trang bị kiến thức về sản phẩm, nâng cao kỹ năng bán hàng, chăm sóc khách hàng cho nhân viên kinh doanh thị trường và nhân viên QBTT.

Xây dựng các chính sách bán hàng, hỗ trợ các vùng thị trường, các đại lý, các điểm bán, tổ chức các chương trình khuyến mãi sản phẩm, vật phẩm, chương trình trưng bày... để kích cầu, tăng sức cạnh tranh và doanh thu vào từng thời điểm cụ thể.



Bên cạnh những thiếu sót cần khắc phục và rút kinh nghiệm, trong năm 2020 Công ty đạt được nhiều tiến bộ trong công tác tổ chức, quản lý.

Với định hướng là sử dụng các nguồn nguyên liệu có nguồn gốc thiên nhiên như Collagen, Nha đam, Rong biển, Thảo mộc, Công ty đã hoàn thiện đề tài nghiên cứu nước yến sào nha đam và đang triển khai sản xuất thử nghiệm thực tế.; bên cạnh đó, Công ty sẽ tiếp tục nghiên cứu thêm các dòng sản phẩm tốt cho sức khỏe của người tiêu dùng như nước tăng lực, nước bổ sung khoáng, nước Ion kiềm...

Bên cạnh đó, Công ty không ngừng nâng cao chuẩn mực về Quản trị nội bộ doanh nghiệp theo hướng thống nhất và minh bạch, triển khai hệ thống quản trị năng lực nhân viên để áp dụng các chương trình đào tạo, huấn luyện nâng cao năng lực và phát triển sự nghiệp cho 100% nhân viên, tiếp tục công việc cải tiến, nâng cấp Website của Công ty, đưa ra những ý tưởng trong thiết kế giao diện mới





Các chỉ tiêu nhiệm vụ cơ bản

Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2021
Vốn điều lệ	Triệu đồng	50.000
Sản lượng	Sản phẩm	33.300.000
Tổng doanh thu	Triệu đồng	92.500
Lợi nhuận từ HĐKD	Triệu đồng	2.370
Lợi nhuận khác	Triệu đồng	20
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	2.390
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	1.912
Tỉ lệ cổ tức	%	2,5

Phương hướng nhiệm vụ

Đặt trọng tâm vào việc đột phá, sáng tạo trong việc phát triển sản phẩm mới, đáp ứng các nhu cầu chưa được thỏa mãn của Việt Nam. Trước tiên là sẽ lựa chọn thời điểm để giới thiệu 2 dòng sản phẩm mới là: Nước yến sào nha đam và nước bình 5 lít nhằm đa dạng hóa các dòng sản phẩm của Công ty.

Đặt trọng tâm vào người tiêu dùng thông qua ba tôn chỉ là giá cả hợp lý, tiếp cận sản phẩm dễ dàng và đảm bảo chất lượng tiêu dùng.

Tiếp tục khâu chuyển đổi bao bì của Công ty từ sử dụng chai nhựa sang đóng lon để chung tay giảm rác thải nhựa và nâng cao giá trị sản phẩm.

Đầu tư mở rộng thêm các kênh bán hàng như kênh siêu thị, cửa hàng tiện lợi, kênh online theo xu hướng tiêu dùng hiện đại. Song song với đó là tăng cường quảng bá thông qua các hoạt động tài trợ các giải đấu thể thao, các đội bóng của Công ty, các chương trình hoạt động văn hóa trong và ngoài tỉnh.

Tiếp tục theo dõi sát sao tình hình diễn biến đại dịch Covid-19 và quá trình hồi phục kinh tế và tiêu dùng ở Việt Nam để triển khai kế hoạch kinh doanh cũng như mở rộng thị phần một cách phù hợp, đặt biệt là ở các khu vực Miền Trung, Tây Nguyên và Miền Tây.

Biện pháp thực hiện

Để thích ứng với những thách thức này, Công ty dự định sẽ đẩy mạnh tập trung vào việc trở nên Nhanh hơn, Mạnh hơn và Tốt hơn:

- **Nhanh hơn:** Nhanh hơn bằng cách chiến thắng trên thị trường, lấy người tiêu dùng làm trung tâm và tăng tốc đầu tư để tăng trưởng hàng đầu. Điều này bao gồm việc mở rộng danh mục đầu tư của Công ty để giành chiến thắng tại địa phương trong lĩnh vực thực phẩm và đồ uống tiện lợi, củng cố các mạng lưới phân phối của Công ty với sự tập trung có kỷ luật vào các thị trường mà Công ty thấy có khả năng chiếm ưu thế hơn đối thủ cạnh tranh.
- **Mạnh hơn:** Mạnh mẽ hơn bằng cách tiếp tục chuyển đổi năng lực, chi phí và văn hóa của Công ty bằng cách tận dụng quy mô và công nghệ trên thị trường toàn cầu trong các hoạt động của Công ty và giành chiến thắng tại địa phương. Điều này bao gồm việc tiếp tục tập trung vào việc thúc đẩy tiết kiệm thông qua quản lý chi phí toàn diện để tái đầu tư nhằm thành công trên thị trường, phát triển và mở rộng các năng lực cốt lõi thông qua công nghệ, đồng thời xây dựng tài năng và văn hóa khác biệt.
- **Tốt hơn:** Tốt hơn bằng cách tiếp tục tập trung chương trình nghị sự bền vững của Công ty vào việc giúp xây dựng một hệ thống chuỗi cung ứng bền vững hơn và đầu tư vào quá trình sản xuất thân thiện hơn với môi trường như là quản lý nước, bao bì tái chế, sản phẩm tăng cường sức khỏe.



Sanna

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty.

Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc.

Các kế hoạch định hướng của HĐQT.



Về công tác tổ chức, quản lý điều hành công ty

Công ty đã tổ chức thành công cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 vào ngày 27/6 với sự tham gia của 32 cổ đông (184 đại biểu ủy quyền) chiếm 96,09% số cổ phần có quyền biểu quyết, trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019, các kế hoạch đầu tư và phương hướng triển khai trong năm 2020 nhằm hướng tới các chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh một cách có hiệu quả.

Đại hội đồng Cổ đông cũng đã thông qua việc thay đổi nhân sự của Công ty (chi tiết ở phần Tình hình hoạt động kinh doanh).

Trong tháng 11 năm 2020, vì đợt bùng phát đại dịch Covid-19 lần 2 tại các địa bàn kinh doanh trọng yếu của Công ty và diễn biến bất thường của các đợt bão lũ ập vào miền Trung ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình kinh doanh của Công ty nên Ban lãnh đạo đã triệu tập Đại hội cổ đông bất thường nhằm xin ý kiến cổ đông điều chỉnh giảm 14,85% kế hoạch doanh thu năm 2020 về 85,15 tỷ đồng và giảm 19,3% kế hoạch lợi nhuận trước thuế về 2,8 tỷ đồng, tỷ lệ tán thành đạt 94,171% so với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Trong năm qua, Công ty cũng đã đón tiếp các Cơ quan Ban ngành về kiểm tra và thực hiện đánh giá tình hình hoạt động theo quy định của pháp luật, cụ thể:

- Ngày 30/7, Công ty TNHH QMS Việt Nam thực hiện đánh giá tiêu chuẩn ISO 9001:2015, 14001:2015, HACCP của Công ty từ đó đưa ra các đề xuất, biện pháp khắc phục và cải tiến theo chuẩn ISO quy định.
- Ngày 26/8, tiếp Đoàn Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Khánh Hòa vào giám sát việc chấp hành Pháp luật về vệ sinh lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp tại Công ty.
- Ngày 22/9, tiếp Đoàn Công an PCCC & CNCH tỉnh Khánh Hòa về kiểm tra tại Nhà máy, sau buổi làm việc, Công ty đã khắc phục các hạn chế còn tồn nhằm đảm bảo công tác PCCC & CNCH được thực hiện theo quy định của Pháp luật.
- Ngày 11/11, Công ty tiếp đoàn Sở Tài nguyên Môi trường Khánh Hòa về thẩm định kiểm tra thực địa tại Công ty để cấp giấy phép xả thải vào nguồn nước.

Về công tác chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh

HĐQT luôn đồng hành cùng Ban Giám đốc giám sát, chỉ đạo các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch thông qua việc tham dự các cuộc họp XXLĐ định kỳ hàng tháng.

Công tác điều hành sản xuất đảm bảo hàng hóa đáp ứng đầy đủ cho thị trường đặc biệt là vào dịp lễ Tết Dương lịch và Tết Nguyên đán Canh Tý 2020.

Bố trí ca sản xuất và con người khoa học, hợp lý, cùng với các giải pháp nâng cao năng suất lao động, sử dụng lực lượng hiện có một cách hiệu quả để đảm bảo lượng hàng hóa cung cấp ra thị trường.

Tại mỗi công đoạn sản xuất luôn được tổ chức kiểm soát chặt chẽ theo hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015, HACCP để đảm bảo thành phẩm nhập kho đạt chất lượng tốt nhất trước khi ra ngoài thị trường.

Công tác bảo trì hệ thống MMTB được triển khai thực hiện thường xuyên, việc chủ động dự phòng các chi tiết máy, nhân sự được phân công bám sát ca sản xuất khắc phục kịp thời các sự cố và đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định.

Kế hoạch sản xuất luôn đồng bộ với kế hoạch kinh doanh cùng với sự linh hoạt trong việc giao nhận hàng hóa cho khách hàng, đại lý đảm bảo hàng hóa không bị tồn đọng.



Về công tác tác chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh (tt)

Tổ chức, sắp xếp luân phiên công tác kiểm tra, giám sát các để nắm rõ tình hình hoạt động cụ thể của hệ thống nhân viên, tình hình của thị trường, khả năng kinh doanh của từng đại lý phân phối, điểm tiêu thụ và đối thủ cạnh tranh từ đó có những điều chỉnh phương án kinh doanh kịp thời và phù hợp bằng các chương trình khuyến mãi, kích cầu, các biện pháp nhằm tăng cường sức cạnh tranh và giành thị phần tại các thị trường như các chương trình hỗ trợ chi phí bán hàng cho NPP, thực hiện các chương trình trưng bày...tăng mức hỗ trợ cho NPP nhằm chia sẻ khó khăn đối với khách hàng trong công tác từng bước khôi phục thị trường tiêu thụ phù hợp với tình hình của Công ty.

Chú trọng công tác quảng bá và phát triển các vùng thị trường, cụ thể: Tăng cường thêm nhân sự tại các địa bàn Vạn Ninh, Bình Tân, Đồng Đế; Triển khai tập trung chăm sóc tặng quà tri ân cho các khách hàng nhân dịp Lễ Tết; Áp dụng chương trình khuyến mãi các dòng sản phẩm Sanna cho chi nhánh Hà Nội, Đà Nẵng, TP.Hồ Chí Minh và thị trường Ninh Thuận, Bình Thuận; Triển khai chương trình trưng bày sản phẩm trong tháng 10; Tổ chức công tác quảng bá và bán hàng tại Vòng Bán kết và Chung kết Giải bóng chuyền vô địch Quốc gia PV Gas tổ chức tại Nha Trang từ ngày 9-20/12.

Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động kinh doanh bán lẻ sản phẩm nước giải khát, phân bổ chỉ tiêu cụ thể cho từng địa bàn, chạy trương trình khuyến mãi hấp dẫn nâng sức cạnh tranh để hỗ trợ nhân viên làm thị trường.

Năm 2020 là 1 năm với rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng dịch bệnh Covid - 19 bên cạnh đó là sự cạnh tranh của các đối thủ. Tuy nhiên với sự quyết tâm hành động, phát huy tinh thần năng động, nỗ lực cao nhất, Công ty đã phấn đấu thực hiện mức doanh thu tốt nhất.



Về công tác quản lý tài chính

Bắt đầu từ ngày 1/9, Công ty triển khai việc xuất hóa đơn điện tử song song với hóa đơn bằng giấy, thông qua việc ứng dụng phần mềm quản lý kế toán, HĐQT cập nhật kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh kịp thời, nhất quán và minh bạch, cụ thể bằng việc thu tiền mặt, thu hồi đối chiếu công nợ, tiền nộp về Công ty trong ngày. Đồng thời tại các cuộc họp hàng tháng, HĐQT đã xem xét và thông qua báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và các số liệu về tình hình tài chính của Công ty do Giám đốc Công ty trình bày.

Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và nộp 4,13 tỷ đồng. Thực hiện chi trả mức lương tối thiểu vùng 3.920.000 đồng/tháng.

Về quan hệ cổ đông và chia cổ tức

Căn cứ vào BCTC đã được kiểm toán năm 2019, tờ trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020 đã được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ 2020, Công ty thực hiện việc chi trả cổ tức cho 255 cổ đông vào ngày 06/8/2020 với mức tỷ lệ thực hiện 5,11%/mệnh giá cổ phần bằng hình thức tiền mặt (đối với cổ đông chưa thực hiện lưu ký) và chuyển khoản (đối với cổ đông đã thực hiện lưu ký tại VSD).

Về quan hệ với Ban Kiểm soát

HĐQT kết hợp chặt chẽ với BKS để kiểm tra, nắm bắt tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty. Các phiên họp của HĐQT đều có sự tham dự của các thành viên BKS. Qua đó, HĐQT trao đổi, tiếp nhận những ý kiến đóng góp và đề xuất mang tính xây dựng của BKS. Các ý kiến đóng góp của BKS đều được ghi nhận và là cơ sở khi thông qua các quyết định của HĐQT nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty luôn tuân thủ các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cũng như quy định của Pháp luật hiện hành.



Đánh giá của HĐQT về BGĐ

Trong quá trình hoạt động, Ban Giám đốc đã luôn tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ, nghị quyết và các quyết định của HĐQT. Công ty cũng đã thực hiện nghiêm túc các quy định về Công bố thông tin và luôn tuân thủ đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất khi có yêu cầu.

HĐQT luôn đồng hành cùng Ban Giám đốc bám sát tình hình tổ chức sản xuất kinh doanh và hoạt động của Công ty, kịp thời chỉ đạo Ban Giám đốc triển khai các mục tiêu, kế hoạch đáp ứng yêu cầu thực tế của đơn vị.

Tổ chức được sắp xếp từng bước tương đối ổn định, sắp xếp lao động hợp lý, tiết kiệm và nâng cao năng suất chất lượng lao động, cân nhắc khi thu nhận lao động trên cơ sở sử dụng lao động sẵn có tại chỗ.

Luôn tìm kiếm cơ hội tăng doanh thu, tiết kiệm chi phí sản xuất, sử dụng vốn tích lũy đầu tư mua thiết bị chuyên dùng cần thiết nhằm nâng cao năng lực, tăng năng suất, tiết kiệm, hiệu quả và chất lượng. Bên cạnh đó khai thác tốt các thiết bị cũ hiện có, chỉnh trang, tìm tòi phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong phương thức lao động, trong bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp, phục hồi; quản lý chặt chẽ nhiên liệu, phương tiện, thiết bị, khắc phục mọi sự cố trong vận hành phương tiện thiết bị. Tích cực tham gia các công tác an sinh xã hội và công tác chăm lo đời sống vật chất cũng như tinh thần cho người lao động, tạo mọi điều kiện cho người lao động yên tâm công tác, phát huy, cống hiến cho sự phát triển của Công ty.

Nghiêm túc triển khai các thông báo về việc phòng chống dịch bệnh Covid-19 của cơ quan chức năng, đảm bảo hoạt động của Công ty ổn định, an toàn, tuân thủ theo quy định của Pháp luật.



Công tác sản xuất

Tiếp tục duy trì thực hiện hệ thống quản trị sản xuất, quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO và HACCP, tổ chức sản xuất tuân thủ chặt chẽ các quy trình, chuẩn mực của ngành hàng, đảm bảo an toàn tuyệt đối ATVSTP. Bố trí nhân sự tại mỗi khâu, công đoạn sản xuất hợp lý nhằm nâng cao năng suất lao động và sản lượng.

Kiểm soát chặt chẽ chất lượng vật tư, nguyên liệu đầu vào và thành phẩm trong quá trình bảo quản, lưu kho. Hàng tháng thực hiện đánh giá chất lượng vật tư của các nhà cung cấp vật tư, theo dõi các biến động về giá cả vật tư, bao bì và phản hồi với nhà cung cấp.

Công tác kinh doanh

Trước diễn biến phức tạp của dịch Covid-19, Công ty đặt mục tiêu giữ vững hệ thống Nhà phân phối, Đại lý và các điểm bán, shop hiện có; Theo dõi sát sao diễn biến thị trường, từng bước khôi phục các khách hàng tiềm năng là các hệ thống tour du lịch, lữ hành, khách sạn, nhà hàng, doanh nghiệp vận tải hành khách, doanh nghiệp xây dựng ...

Căn cứ theo thực tế đặc thù của từng vùng, khu vực thị trường, các nhà phân phối, các đại lý từ đó xây dựng đội ngũ kinh doanh bán hàng chuyên nghiệp, quản lý chăm sóc tốt hệ thống cho từng khu vực thuộc hệ thống kinh doanh Yến sào Khánh Hòa.

Kết nối với trung tâm dịch vụ khách hàng Yến sào Khánh Hòa tổ chức quảng cáo, bán hàng qua website và các kênh mạng xã hội như Facebook, Zalo...

Phân bổ chỉ tiêu theo từng quý, từng tháng, từng dòng sản phẩm, bám sát mục tiêu để hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.

Chủ động tìm kiếm các Nhà cung cấp tiềm năng có giá cạnh tranh, đảm bảo cung ứng vật tư - nguyên vật liệu kịp thời cho các hoạt động để tiết giảm chi phí trong sản xuất.

Công tác tài chính

Kiểm soát và tiết giảm chi phí ở mức hợp lý nhất, tính toán quỹ lương để đảm bảo thu nhập cho người lao động.

Công tác quản lý hành chính

Không ngừng cải tiến, nâng cấp đối với Website của Công ty, thường xuyên cập nhật các tin tức, sự kiện liên quan đến Công ty, sản phẩm và các chương trình khuyến mãi mới nhất, nhằm hỗ trợ cho cổ đông và khách hàng nắm bắt đầy đủ thông tin về Công ty và sản phẩm.

Thực hiện đầy đủ công tác liên quan tới chế độ người lao động. Rà soát, hoàn thiện hồ sơ văn bản ISO theo chuẩn 9001:2015, 14001:2015, HACCP.





Sanna

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị.

Ban kiểm soát.

Hoạt động của Hội đồng quản trị.

Hoạt động của Ban kiểm soát.

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát.



Sơ yếu lý lịch HĐQT

Ông: NGUYỄN KHOA BẢO CHỦ TỊCH HĐQT

- Ngày sinh: 04/06/1972.
- Địa chỉ thường trú: Lô STH 03-24 đường 8A, khu đô thị Lê Hồng Phong 2, Nha Trang.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.

• Quá trình công tác:

- + 1995 - 2003: Kế toán cung ứng vật tư, phó GD nhà máy, quyền GD nhà máy (Cơ sở nước giải khát Festi Nha Trang).
- + 2003 - 2010: Phó bộ phận kinh doanh nhà máy NGKCC Yến sào Khánh Hòa.
- + 2010 - 2011: Phó Giám đốc Công ty Yến sào Khánh Hòa chi nhánh tại Đà Nẵng.
- + 2011 - 2013: Phó Giám đốc Công ty Yến sào Khánh Hòa chi nhánh tại Hà Nội.
- + 2013 - 06/2016: Giám đốc Công ty Yến sào Khánh Hòa chi nhánh tại Hà Nội.
- + 06/2016 - Nay: Giám đốc Công ty CP NGK Yến sào Khánh Hòa, kiêm GD Công ty Yến sào Khánh Hòa chi nhánh tại Hà Nội, Chủ tịch HĐQT Công ty CP NGK Sanna Khánh Hòa.

- **Chức vụ hiện nay tại Công ty:** Chủ tịch HĐQT CTCP NGK Sanna Khánh Hòa.
- **Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Giám đốc Cty CP NGK Yến sào Khánh Hòa; GD Cty Yến sào Khánh Hòa chi nhánh tại Hà Nội.
- **Số cổ phần nắm giữ hiện nay:** Cá nhân nắm giữ là 9.712 CP chiếm 0,194% VDL, đại diện nắm giữ là 850.000 CP chiếm 17% VDL.
- **Số cổ phần nắm giữ hiện nay của những người liên quan:** Không có.

Sơ yếu lý lịch HĐQT

Ông: NGUYỄN VĂN LÀNH THÀNH VIÊN HĐQT KIÊM GIÁM ĐỐC

- Ngày sinh: 27/08/1972.
- Địa chỉ thường trú: 11C/4 Nguyễn Thiện Thuật, Nha Trang, Khánh Hòa.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân văn hóa.

• Quá trình công tác:

- + 1996 - 2005: Trưởng phòng Kinh doanh CTCP Dịch vụ Văn hóa và Quảng cáo Khánh Hòa.
- + 2005 - 2012: Phó Giám đốc Công ty CP Dịch vụ Văn hóa và và Quảng cáo Khánh Hòa.
- + 2012 - 2017: Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV NGK Sanna Khánh Hòa.
- + 2017 - 06/2020: Phó Giám đốc Công ty CP NGK Sanna Khánh Hòa.
- + 06/2020 - Nay: Giám đốc Công ty CP NGK Sanna Khánh Hòa.

- **Chức vụ hiện nay tại Công ty:** Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc CTCP NGK Sanna Khánh Hòa.
- **Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không có.
- **Số cổ phần nắm giữ hiện nay:** Cá nhân nắm giữ là 5.400 CP chiếm 0,108% VDL, đại diện nắm giữ là 850.000 CP chiếm 17% VDL.
- **Số cổ phần nắm giữ hiện nay của những người liên quan:** Không có.



Sơ yếu lý lịch HĐQT

BÀ: NGUYỄN HẠ HIÊN THÀNH VIÊN HĐQT

- Ngày sinh: 28/06/1985.
- Địa chỉ thường trú: 45/3 Quang Trung, P. Lộc Thọ, TP. Nha Trang, Khánh Hòa.
- Trình độ chuyên môn: Kế toán kiểm toán.

• Quá trình công tác:

- + 01/2010 - 05/2018: Nhân viên Phòng Kế hoạch - Tài vụ Công ty Yến sào Khánh Hòa (đến năm 2009 đổi tên thành Công ty TNHH NN MTV Yến sào Khánh Hòa).
- + 06/2014 - 01/2021: Phụ trách Kế toán Nhà khách Khánh Hòa.
- + 06/2018 - nay: Phó phòng KHTV Công ty TNHH NN MTV Yến sào Khánh Hòa.
- + 03/2018 - nay: Thành viên HĐQT Công ty CP NGK Sanna Khánh Hòa.

• **Chức vụ hiện nay tại Công ty:** Thành viên HĐQT.

• **Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Phó phòng Kế hoạch tài vụ Công ty TNHH NN MTV Yến sào Khánh Hòa.

• **Số cổ phần nắm giữ hiện nay:** Cá nhân nắm giữ là 0 CP chiếm 0% VDL, đại diện nắm giữ là 850.000 CP chiếm 17% VDL.

• **Số cổ phần nắm giữ hiện nay của những người liên quan:** Không có.

Sơ yếu lý lịch HĐQT

ÔNG: NGUYỄN NGỌC HUY THÀNH VIÊN HĐQT

- Ngày sinh: 04/10/1975.
- Địa chỉ thường trú: 63/14 Nguyễn Thị Minh Khai, P. Văn Hải, TP. Phan Rang Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư quản lý đất đai.

• Quá trình công tác:

- + 2000 -2004: Chuyên viên Sở Tài nguyên Môi trường Bình Thuận.
- + 2005 - 2007: Chuyên viên UBND tỉnh Ninh Thuận.
- + 2008 - 2012: Phó trưởng phòng Quản lý đất đai - Sở Tài nguyên Môi trường Ninh Thuận.
- + 2013 - nay: Giám đốc Công ty TNHH Bao bì nhựa Vĩnh An.
- + 11/2017 - nay: Thành viên HĐQT Công ty CP NGK Sanna Khánh Hòa.

• **Chức vụ hiện nay tại Công ty:** Thành viên HĐQT.

• **Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Giám đốc Công ty TNHH Bao bì Nhựa Vĩnh An.

• **Số cổ phần nắm giữ hiện nay:** Cá nhân nắm giữ là 0 CP chiếm 0% VDL, đại diện nắm giữ là 350.000 CP chiếm 7% VDL.

• **Số cổ phần nắm giữ hiện nay của những người liên quan:** Công ty TNHH Bao bì nhựa Vĩnh An sở hữu 350.000 cổ phần tương ứng tỷ lệ 7% VDL.



Sơ yếu lý lịch HĐQT

ÔNG: ĐÀO MINH TÚ THÀNH VIÊN HĐQT

- Ngày sinh: 01/05/1971.
- Địa chỉ thường trú: 1/5A Ấp Đình, xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn, TP.Hồ Chí Minh.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hàng hải.

• Quá trình công tác:

- + 07/1992 - 02/2005: Quản đốc Công ty TNHH TM Tiên Tấn.
- + 02/2005 - nay: Giám đốc Công ty TNHH SX TM DV Minh Thông.
- + 03/2018 - nay: Thành viên HĐQT Công ty CP NGK Sanna Khánh Hòa.

• Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT.

• Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Giám đốc Công ty TNHH SX TM DV Minh Thông.

• Số cổ phần nắm giữ hiện nay: Cá nhân nắm giữ là 0 CP chiếm 0% VDL, đại diện nắm giữ là 350.000 CP chiếm 7% VDL.

• Số cổ phần nắm giữ hiện nay của những người liên quan: Công ty TNHH SX TM DV Minh Thông sở hữu 350.000 cổ phần tương ứng tỷ lệ 7% VDL.



Sơ yếu lý lịch BKS

BÀ NGUYỄN THỊ NGỌC QUYÊN TRƯỞNG BKS

- Ngày sinh: 02/09/1982.
- Địa chỉ thường trú: 190/10 Lê Hồng Phong, Nha Trang, Khánh Hòa.
- Trình độ chuyên môn: Đại học chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh.

• Quá trình công tác:

- + 2005 - nay: Nhân viên Phòng Kế hoạch -Tài vụ Công ty TNHH NN MTV Yến sào Khánh Hòa.
- + 11/2017 - nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP NGK Sanna Khánh Hòa.

• Chức vụ hiện nay tại Công ty: Trưởng Ban kiểm soát.

• Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Nhân viên Phòng Kế hoạch -Tài vụ Công ty TNHH NN MTV Yến sào Khánh Hòa.

• Số cổ phần nắm giữ hiện nay: Cá nhân nắm giữ là 0 CP chiếm 0% VDL, đại diện nắm giữ là 0 CP chiếm 0% VDL.

• Số cổ phần nắm giữ hiện nay của những người liên quan: Không có.



Sơ yếu lý lịch BKS

**BÀ ĐÌNH THỊ THÚY PHƯỢNG
KIỂM SOÁT VIÊN**



- Ngày sinh: 6/12/1984.
- Địa chỉ thường trú: Tổ 3 thôn Phú Vinh, Vĩnh Thạnh, Nha Trang.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán.

• **Quá trình công tác:**

- + 9/2007 - 11/2017: Kế toán viên Công ty TNHH MTV NGK Sanna Khánh Hòa.
- + 11/2017 - nay: Thành viên BKS Công ty CP NGK Sanna Khánh Hòa.

- **Chức vụ hiện nay tại Công ty:** Kiểm soát viên, Nhân viên kế toán phòng Kế hoạch - Tài vụ Công ty CP NGK Sanna Khánh Hòa.
- **Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không có.
- **Số cổ phần nắm giữ hiện nay:** Cá nhân nắm giữ là 2.000 CP chiếm 0,04% VDL, đại diện nắm giữ là 0 CP chiếm 0% VDL.
- **Số cổ phần nắm giữ hiện nay của những người liên quan:** Không có.

Sơ yếu lý lịch BKS

**ÔNG NGUYỄN CAO KỶ
KIỂM SOÁT VIÊN**



- Ngày sinh: 15/02/1987.
- Địa chỉ thường trú: 20B nhị hà, phước hòa, Nha Trang.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính - Ngân hàng.

• **Quá trình công tác:**

- + 2016 - nay: Chuyên viên Ban Quản lý dự án Công ty TNHH NN MTV Yến sào Khánh Hòa.
- + 27/06/2020 - nay: Kiểm soát viên Công ty CP NGK Sanna Khánh Hòa; Chuyên viên Ban Quản lý dự án Công ty TNHH NN MTV Yến sào Khánh Hòa.

- **Chức vụ hiện nay tại Công ty:** Kiểm soát viên.
- **Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Chuyên viên Ban Quản lý dự án Công ty TNHH NN MTV Yến sào Khánh Hòa.
- **Số cổ phần nắm giữ hiện nay:** Không có.
- **Số cổ phần nắm giữ hiện nay của những người liên quan:** Không có.



HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã có các cuộc họp và ban hành các nghị quyết sau:

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Nguyễn Khoa Bảo	Chủ tịch	02	50%	ĐHĐCĐ thông qua bổ nhiệm vào ngày 27/06/2020.
2	Ông Nguyễn Văn Lành	Thành viên	02	50%	ĐHĐCĐ thông qua bổ nhiệm vào ngày 27/06/2020.
3	Bà Nguyễn Hạ Hiền	Thành viên	04	100%	
4	Ông Nguyễn Ngọc Huy	Thành viên	04	100%	
5	Ông Đào Minh Tú	Thành viên	04	100%	

Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát công tác điều hành của Ban Giám đốc, đặc biệt là việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông nhằm đảm bảo cho Công ty phát triển theo đúng định hướng, mục tiêu đã đề ra.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
01	203/QĐ-SKN	17/03/2020	Thông qua các nội dung sau: - Bổ sung ngành nghề kinh doanh: mã 2023. - Sửa Điều 4 trong Điều lệ Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa.	
02	02/NQ-SKN	09/10/2020	Nghị quyết của Hội đồng quản trị về việc thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.	100%

NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
03	01/NQ-ĐHĐCĐ	27/6/2020	1. Thông qua nội dung tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2020, cụ thể: - Báo cáo Hoạt động SXKD năm 2019, phương hướng nhiệm vụ và giải pháp thực hiện năm 2020. - Báo cáo của HĐQT đánh giá công tác quản lý điều hành Công ty năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020. - Báo cáo hoạt động của BKS năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020. - Tờ trình thông qua Báo cáo Tài chính kiểm toán năm 2019. - Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020. - Tờ trình về mức thù lao năm 2019 và kế hoạch mức thù lao năm 2020 của HĐQT và BKS. - Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020. - Tờ trình miễn nhiệm và bầu bổ sung Thành viên HĐQT. - Tờ trình miễn nhiệm và bầu bổ sung Kiểm soát viên. 2. Bầu bổ sung Thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2017 - 2022.	
04	03/NQ-ĐHĐCĐ	20/11/2020	Thông qua nội dung điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020, cụ thể: - Tổng doanh thu: 85,15 tỷ đồng/100 tỷ đồng (giảm 14,85%). - Lợi nhuận trước thuế: 2,8 tỷ đồng/3,47 tỷ đồng (giảm 19,31%).	
05	01/QĐ-HĐQT	27/06/2020	Quyết định về việc thay đổi người đại diện theo Pháp luật.	100%



HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2020, Ban Kiểm soát đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Ban điều hành nhằm duy trì thường xuyên việc giám sát hoạt động điều hành của Công ty. Các thành viên thường xuyên trao đổi đánh giá tình hình hoạt động của Công ty.

Ban kiểm soát đã thực hiện công việc theo quyền hạn và nhiệm vụ được quy định theo Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông, điều lệ Công ty Cổ phần CP NGK Sanna Khánh Hòa nhằm kiểm tra, giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh.

- Thẩm tra, đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính trong các báo cáo tài chính hàng tháng, quý, báo cáo 06 tháng, báo cáo năm.
- Kiểm tra giám sát hoạt động của Công ty, khảo sát, phân tích đánh giá thận trọng, đưa ra các ý kiến đóng góp với lãnh đạo hoặc cá nhân có trách nhiệm.
- Ban kiểm soát triển khai các cuộc kiểm tra, kiểm soát thực tế toàn diện các mặt hoạt động của công ty và các chi nhánh trực thuộc Công ty.



THÙ LAO, LƯƠNG, THƯỜNG VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Lương thưởng thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành

Đơn vị tính: Đồng

	Thù lao	Lương	Thưởng
Hội đồng quản trị	211.760.000	-	-
Ban Kiểm soát	89.760.000	-	-
Ban điều hành	-	724.796.295	188.188.000





CHI TIẾT CẤU TRÚC THU NHẬP TỪNG THÀNH VIÊN:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Cơ cấu thu nhập năm 2020 (%)		
			Thù lao	Lương	Thưởng
Hội đồng quản trị					
1	Ông Nguyễn Khoa Bảo	Chủ tịch	26.400.000	-	-
2	Ông Nguyễn Văn Lành	TV HĐQT	21.120.000	-	-
3	Bà Nguyễn Hạ Hiền	TV HĐQT	42.240.000	-	-
4	Ông Nguyễn Ngọc Huy	TV HĐQT	42.240.000	-	-
5	Ông Đào Minh Tú	TV HĐQT	42.240.000	-	-
Ban Kiểm soát					
1	Bà Nguyễn Thị Ngọc Quyên	Trưởng BKS	36.960.000	-	-
2	Bà Đinh Thị Thúy Phượng	TV BKS	26.400.000	-	-
3	Bà Nguyễn Cao Kỳ	TV BKS	13.200.000	-	-
Ban Giám đốc và Kế toán trưởng					
1	Ông Nguyễn Văn Lành	Giám đốc	-	214.219.464	47.263.000
2	Bà Nguyễn Lê Thùy Linh	P. Giám đốc	-	206.124.795	48.263.000
3	Bà Nguyễn Thị Hạnh Quyên	Kế toán trưởng	-	183.710.416	42.967.000

HỢP ĐỒNG GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Trong năm qua công ty không phát sinh các giao dịch với cổ đông nội bộ.

VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Việc quản trị Công ty luôn được đảm bảo theo đúng pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ và các tiêu chí nhằm đảm bảo được hoạt động của Công ty một cách suôn sẻ nhất; theo đuổi các mục tiêu vì lợi ích của công ty và của các cổ đông, cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát hoạt động của công ty một cách hiệu quả, từ đó khuyến khích công ty sử dụng các nguồn lực một cách tốt nhất. Ngoài ra, Công ty luôn tăng cường kiến thức quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban giám đốc thông qua việc cử các cán bộ đi đào tạo theo thông báo của UBCKNN, các cơ quan liên quan và các lớp học quản trị công ty. Từ đó, nâng cao hiệu quả kinh doanh, nâng cao khả năng tiếp cận nguồn vốn, giảm chi phí vốn cũng như tạo dựng lòng tin đối với cổ đông, nhà đầu tư.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2020



Sanna

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANNA KHÁNH HÒA



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANNA KHÁNH HÒA
Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
1. MỤC LỤC	1
2. THÔNG TIN CHUNG	2 - 3
3. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC	4
4. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5
5. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
5.1 Bảng cân đối kế toán	6 - 9
5.2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
5.3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 - 12
5.4 Thuyết minh báo cáo tài chính	13 - 28

THÔNG TIN CHUNG**KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa ("Công ty"), tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên Nước giải khát Sanna Khánh Hòa, được thành lập trên cơ sở tách toàn bộ tài sản và lao động của Nhà máy Nước giải khát Sanna theo Quyết định số 2340/QĐ-YS ngày 26 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Yến sào Khánh Hòa. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201675930 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu ngày 28 tháng 01 năm 2016 và các lần thay đổi sau đó.

Ngày 23 tháng 6 năm 2017, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã ban hành Quyết định số 1795/QĐ-UBND về phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH Một thành viên Nước giải khát Sanna Khánh Hòa thành Công ty cổ phần.

Ngày 10 tháng 11 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa đã được tổ chức và đã thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần, bầu các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.

Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa chính thức đi vào hoạt động từ ngày 16 tháng 11 năm 2017 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201675930 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp đăng ký thay đổi lần thứ 1 vào ngày 16 tháng 11 năm 2017, kế thừa toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ của Công ty TNHH Một thành viên Nước giải khát Sanna Khánh Hòa.

Hiện Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201675930 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp thay đổi lần thứ 3 ngày 01 tháng 7 năm 2020.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu là 50.000.000.000 VND và không đổi qua các lần thay đổi đăng ký kinh doanh.

Hiện nay cổ phiếu của Công ty đang đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là SKN.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

Điện thoại : (0258) 3865 678 Fax : (0258) 3865 676

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm: Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Khai thác nước khoáng thiên nhiên; Bán buôn thực phẩm; Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn đồ uống không có cồn, rượu, bia; Bán lẻ đồ uống không có cồn, rượu, bia; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động...

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Bà Lê Thị Hồng Vân	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 27/06/2020
Ông Nguyễn Khoa Bảo	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 27/06/2020
Ông Nguyễn Thanh Hải	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27/06/2020
Ông Nguyễn Văn Lành	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27/06/2020
Ông Nguyễn Ngọc Huy	Thành viên	
Bà Nguyễn Hạ Hiền	Thành viên	
Ông Đào Minh Tú	Thành viên	

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)**Ban Kiểm soát**

Bà Nguyễn Thị Ngọc Quyên	Trưởng ban		
Ông Bùi Hoàng Vũ	Thành viên	Miễn nhiệm ngày	27/06/2020
Bà Đinh Thị Thúy Phượng	Thành viên		
Ông Nguyễn Cao Kỳ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày	27/06/2020

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Thanh Hải	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày	30/06/2020
Ông Nguyễn Văn Lành	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày	30/06/2020
Ông Nguyễn Văn Lành	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày	30/06/2020
Bà Nguyễn Lê Thùy Linh	Phó Giám đốc		
Bà Nguyễn Thị Hạnh Quyên	Kế toán trưởng		

Người đại diện theo pháp luật của Công ty đến trước ngày 27/06/2020 là bà Lê Thị Hồng Vân - Chủ tịch Hội đồng quản trị, còn từ ngày 27/06/2020 là ông Nguyễn Khoa Bảo - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán FAC đã được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa ("Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán.

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính này, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cần phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với các Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty phê duyệt báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc



Nguyễn Khoa Bào

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 3 năm 2021

Số: 025/2021/BCTC-FACNT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa ("Công ty"), được lập ngày 24 tháng 3 năm 2021, từ trang 6 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC
CHI NHÁNH NHA TRANG



Nguyễn Thịnh

Giám đốc

Giấy CNDKHN kiểm toán số: 0473-2018-099-1

Đặng Thành Lâm

Kiểm toán viên

Giấy CNDKHN kiểm toán số: 4265-2018-099-1

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		42.605.477.538	37.244.792.302
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V. 1	9.050.205.087	8.653.355.128
1. Tiền	111		9.050.205.087	7.653.355.128
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	1.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		24.743.284.018	21.371.130.043
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V. 2	6.953.702.929	5.928.462.210
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		41.094.424	35.719.153
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V. 3.a	17.748.486.665	15.406.948.680
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		8.412.621.756	6.997.306.543
1. Hàng tồn kho	141	V. 4	8.412.621.756	6.997.306.543
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		399.366.677	223.000.588
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V. 5.a	73.562.161	221.739.050
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		310.113.968	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V. 8	15.690.548	1.261.538
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



Mẫu B 01-DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		21.371.836.006	26.474.857.605
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		85.800.000	85.800.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V. 3.b	85.800.000	85.800.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		9.183.564.494	12.507.968.742
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V. 6	9.183.564.494	12.507.968.742
<i>Nguyên giá</i>	222		43.795.037.277	43.145.856.368
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(34.611.472.783)	(30.637.887.626)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		12.102.471.512	13.881.088.863
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V. 5.b	12.102.471.512	13.881.088.863
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		63.977.313.544	63.719.649.907

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		10.251.113.847	12.419.317.443
I. Nợ ngắn hạn	310		10.251.113.847	12.419.317.443
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V. 7	8.813.674.661	7.264.551.332
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V. 8	-	432.231.112
4. Phải trả người lao động	314		901.289.996	1.212.240.121
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V. 9	419.538.464	731.695.698
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V. 10	84.063.838	2.746.052.292
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V. 11	32.546.888	32.546.888
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		53.726.199.697	51.300.332.464
I. Vốn chủ sở hữu	410		53.726.199.697	51.300.332.464
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V. 12	50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V. 12	26.626.709	26.626.709
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V. 12	1.273.705.755	1.273.705.755
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V. 12	2.425.867.233	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		2.425.867.233	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		63.977.313.544	63.719.649.907

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 3 năm 2021


 Nguyễn Thị Hạnh Quyên
 Kế toán trưởng
 Người lập biểu


 Nguyễn Văn Lành
 Giám đốc


 Nguyễn Khoa Bào
 Chủ tịch Hội đồng quản trị



Mẫu B 02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI. 1	88.669.453.014	133.941.734.873
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI. 1	-	25.985.197
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		88.669.453.014	133.915.749.676
4. Giá vốn hàng bán	11	VI. 2	57.930.460.548	92.549.756.357
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		30.738.992.466	41.365.993.319
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		59.333.881	17.585.899
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI. 3	13.332.032.518	19.673.204.849
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI. 4	14.646.735.905	16.927.371.498
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.819.557.924	4.783.002.871
11. Thu nhập khác	31		21.880.300	85.123.181
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		21.880.300	85.123.181
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.841.438.224	4.868.126.052
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI. 5	415.570.991	996.562.706
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.425.867.233	3.871.563.346
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI. 6	398	635

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 3 năm 2021

Nguyễn Thị Hạnh Quyên
Kế toán trưởng
Người lập biểu

Nguyễn Văn Lành
Giám đốc



Nguyễn Khoa Bảo
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Mẫu B 03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.841.438.224	4.868.126.052
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V. 6	3.973.585.157	5.701.877.434
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(59.333.881)	(17.585.899)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		6.755.689.500	10.552.417.587
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.287.167.953)	7.011.393.151
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.415.315.213)	(1.361.602.659)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		659.740.101	(3.021.133.075)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.926.794.240	1.757.111.110
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V. 8	(688.514.679)	(730.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V. 11	1.968.500.000	1.300.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V. 11	(4.378.029.000)	(10.051.058.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3.541.696.996	5.457.128.114
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(649.180.909)	(1.118.891.581)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		59.333.881	17.585.899
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(589.847.028)	(1.101.305.682)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V. 12.d	(2.555.000.009)	(2.420.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.555.000.009)	(2.420.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		396.849.959	1.935.822.432
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V. 1	8.653.355.128	6.717.532.696
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V. 1	9.050.205.087	8.653.355.128

Nguyễn Thị Hạnh Quyên
Kế toán trưởng
Người lập biểu

Nguyễn Văn Lành
Giám đốc



Nguyễn Khoa Bảo
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 3 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa ("Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm: Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Khai thác nước khoáng thiên nhiên; Bán buôn thực phẩm; Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn đồ uống không có cồn, rượu, bia; Bán lẻ đồ uống không có cồn, rượu, bia; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động...

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là không quá 12 tháng.

5. Sự kiện ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty

Dịch viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Corona (Covid-19) diễn ra từ cuối năm 2019 và diễn biến phức tạp ở đầu năm 2020, sau đó tiếp tục bùng phát lần thứ 2 vào tháng 7/2020, diễn biến phức tạp của dịch Covid-19 đã làm ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động kinh doanh của Công ty, làm cho doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty giảm nhiều so với năm trước. Công ty đã thực hiện các giải pháp phòng chống dịch theo quy định của Chính phủ và Chính quyền địa phương, điều tiết hoạt động kinh doanh để giảm ảnh hưởng tiêu cực của dịch bệnh đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Số lượng cán bộ và nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2020 là 165 người (tại ngày 31/12/2019 là 186 người).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán cũng như lập và trình bày báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam ("VND").

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Do đó, Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện các Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Cơ sở lập và trình bày báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập và trình bày trên cơ sở kế toán dồn tích theo nguyên tắc giá gốc (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm các chi phí trực tiếp để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản, còn các chi phí bảo trì và sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do bán hoặc thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 10 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 08 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 10 năm

6. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán, bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

9. Vốn chủ sở hữu

- Vốn góp của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã góp của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần là số chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu, trừ đi chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu.
- Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của Công ty hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.
- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

10. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu từ bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và quyền sở hữu của hàng hóa được chuyển giao cho người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.
- Tiền lãi được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

11. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho, dự phòng giảm giá và tổn thất hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

12. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận khi phát sinh.

13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng tại ngày cuối năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập hoãn lại phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc các đơn vị chịu thuế khác nhau dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

14. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2020	01/01/2020
Tiền mặt tại quỹ	679.581.542	1.182.317.310
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.370.623.545	6.471.037.818
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	-	1.000.000.000
Cộng	9.050.205.087	8.653.355.128

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2020	01/01/2020
Phải thu các bên liên quan	2.852.852.094	2.885.358.844
- Công ty TNHH Nhà nước MTV Yên sào Khánh Hòa	1.411.843.833	1.827.520.757
- Công ty TNHH MTV Thiết kế Xây dựng Sanatech Land	233.235.200	69.600.680
- Công ty TNHH MTV Nhà hàng Yên sào Khánh Hòa	15.708.000	11.030.800
- Công ty TNHH MTV Quảng bá sản phẩm và Nhà hàng Yên sào Khánh Hòa	5.398.800	6.263.400
- Công ty TNHH MTV Du lịch Sanest Tourist	-	44.089.180
- Công ty TNHH MTV Nuôi trồng thủy sản Fishsan	-	12.366.000
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch và Nhà hàng Yên sào Khánh Hòa Lâm Đồng	-	9.292.800
- Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa	217.445.320	-
- Công ty Cổ phần Nước giải khát Yên sào Khánh Hòa	851.906.780	894.990.747
- Công ty TNHH MTV Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Khánh Hòa	-	10.204.480
- Công ty TNHH MTV Sanest Khánh Hòa	117.314.161	-
Phải thu các khách hàng về hoạt động kinh doanh	4.100.850.835	3.043.103.366
- Công ty TNHH MTV Nha Trang Palace	1.000.408.000	2.751.167.460
- Các khách hàng khác	3.100.442.835	291.935.906
Cộng	6.953.702.929	5.928.462.210

3. Phải thu khác

	31/12/2020	01/01/2020
3.a Phải thu khác ngắn hạn	17.748.486.665	15.406.948.680
Quỹ khen thưởng, phúc lợi chi vượt	17.733.097.599	15.323.568.599
Tạm ứng của người lao động	11.635.000	82.432.094
Các khoản khác	3.754.066	947.987
3.b Phải thu khác dài hạn	85.800.000	85.800.000
Ký quỹ, ký cược dài hạn	85.800.000	85.800.000
Cộng	17.834.286.665	15.492.748.680

4. Hàng tồn kho

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	656.322.965	-	869.276.467	-
Công cụ, dụng cụ, bao bì	6.881.851.858	-	3.093.777.814	-
Thành phẩm	344.737.385	-	2.201.958.165	-
Hàng hóa	60.902.243	-	127.536.413	-
Hàng gửi đi bán	468.807.305	-	704.757.684	-
Cộng	8.412.621.756	-	6.997.306.543	-

5. Chi phí trả trước

	31/12/2020	01/01/2020
5.a Chi phí trả trước ngắn hạn	73.562.161	221.739.050
Chi phí công cụ, dụng cụ	47.562.161	195.739.050
Chi phí khác	26.000.000	26.000.000
5.b Chi phí trả trước dài hạn	12.102.471.512	13.881.088.863
Lợi thế kinh doanh theo xác định giá trị doanh nghiệp	12.097.838.432	13.846.923.499
Chi phí đồ dùng, dụng cụ	4.633.080	34.165.364
Tổng cộng	12.176.033.673	14.102.827.913

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá				
Tại 01/01/2020	25.822.144.023	14.044.559.615	3.279.152.730	43.145.856.368
Đầu tư hoàn thành	-	-	649.180.909	649.180.909
Tại 31/12/2020	25.822.144.023	14.044.559.615	3.928.333.639	43.795.037.277
Trong đó đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.221.252.359	9.820.023.108	1.012.661.622	12.053.937.089
Hao mòn lũy kế				
Tại 01/01/2020	17.066.688.989	11.325.045.888	2.246.152.749	30.637.887.626
Trích khấu hao	2.926.114.659	698.875.515	348.594.983	3.973.585.157
Tại 31/12/2020	19.992.803.648	12.023.921.403	2.594.747.732	34.611.472.783
Giá trị còn lại				
Tại 01/01/2020	8.755.455.034	2.719.513.727	1.032.999.981	12.507.968.742
Tại 31/12/2020	5.829.340.375	2.020.638.212	1.333.585.907	9.183.564.494

7. Phải trả cho người bán ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Phải trả cho các bên liên quan	9.760.981	1.685.803.564
- Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa	-	1.601.061.563
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tuyến Bắc Nam	9.760.981	84.742.001
Phải trả cho các nhà cung cấp khác	8.803.913.680	5.578.747.768
- Công ty Cổ phần Nhựa Ninh Thuận	2.941.900.808	1.685.786.454
- Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Minh Thông Khánh Hòa	1.848.834.222	735.458.692
- Công ty Cổ phần Đông Á	1.149.456.550	418.950.510
- Công ty TNHH Hiệp Hưng	1.088.702.760	512.240.366
- Các nhà cung cấp khác	1.775.019.340	2.226.311.746
Cộng	8.813.674.661	7.264.551.332

8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế và các khoản nộp ngân sách Nhà nước của Công ty trong năm như sau:

	01/01/2020		Số phát sinh trong năm		31/12/2020	
	Phải thu (*)	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải thu (*)	Phải nộp
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	173.716.433	3.267.305.364	3.441.021.797	-	-
Thuế TNDN	-	258.514.679	415.570.991	688.514.679	14.429.009	-
Thuế TNCN	1.261.538	-	585.109.007	585.109.008	1.261.539	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	42.240.000	42.240.000	-	-
Cộng	1.261.538	432.231.112	4.310.225.362	4.756.885.484	15.690.548	-

(*) Thuế phải thu (thuế nộp thừa) được trình bày tại chỉ tiêu "Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước".

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh IV.13 và thuyết minh VI.5.

Các loại thuế khác và các khoản phải nộp khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

Việc xác định nghĩa vụ thuế các loại phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế trình bày trên báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan có thẩm quyền.

9. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Trích trước chi phí tiếp thị bán hàng	254.984.739	439.422.680
Trích trước chi phí ăn ca	107.520.000	134.700.000
Trích trước các chi phí khác	57.033.725	157.573.018
Cộng	419.538.464	731.695.698

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANNA KHÁNH HÒA

Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông,
thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

10. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2020	01/01/2020
Cổ tức phải trả	2.686.164	2.557.686.173
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	81.377.674	81.377.674
Các khoản khác	-	106.988.445
Cộng	84.063.838	2.746.052.292

11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	Quỹ thưởng ban điều hành	Tổng cộng
Tại 01/01/2020	(15.323.568.599)	32.546.888	(15.291.021.711)
Nhận hỗ trợ kinh phí	1.968.500.000	-	1.968.500.000
Chi khen thưởng, phúc lợi	(4.378.029.000)	-	(4.378.029.000)
Tại 31/12/2020	(17.733.097.599)	32.546.888	(17.700.550.711)

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi chi vượt được trình bày ở chỉ tiêu Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh V.3).

12. Vốn chủ sở hữu

12.a Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Tại 01/01/2019	50.000.000.000	26.626.709	654.255.619	-	50.680.882.328
Lợi nhuận sau thuế năm 2019	-	-	-	3.871.563.346	3.871.563.346
Trích lập các quỹ	-	-	619.450.136	(1.267.549.840)	(648.099.704)
Trích thù lao của HĐQT và BKS	-	-	-	(48.781.698)	(48.781.698)
Chia cổ tức	-	-	-	(2.555.231.808)	(2.555.231.808)
Tại 31/12/2019	50.000.000.000	26.626.709	1.273.705.755	-	51.300.332.464
Tại 01/01/2020	50.000.000.000	26.626.709	1.273.705.755	-	51.300.332.464
Lợi nhuận sau thuế năm 2020	-	-	-	2.425.867.233	2.425.867.233
Tại 31/12/2020	50.000.000.000	26.626.709	1.273.705.755	2.425.867.233	53.726.199.697

12.b Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2020		01/01/2020	
	Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)
Cổ đông				
Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Yến sào Khánh Hòa	25.500.000.000	51,00	25.500.000.000	51,00
Các cổ đông khác	24.500.000.000	49,00	24.500.000.000	49,00
Cộng	50.000.000.000	100,00	50.000.000.000	100,00

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANNA KHÁNH HÒA

Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông,
thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

12.c Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000

Toàn bộ cổ phiếu của Công ty đều là cổ phiếu phổ thông với mệnh giá là 10.000 VND.

12.d Cổ tức

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 6 năm 2020, các cổ đông của Công ty đã thông qua việc chi trả cổ tức từ lợi nhuận năm 2019 với tỷ lệ là 5,11% vốn điều lệ, tương đương tổng số tiền cổ tức là 2.555.231.808 đồng. Số cổ tức đã được chi trả cho cổ đông trong năm 2020 là 2.555.000.009 đồng.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.a Tổng doanh thu

	Năm 2020	Năm 2019
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	88.669.453.014	133.941.734.873
Các khoản giảm trừ	-	25.985.197
Doanh thu thuần	88.669.453.014	133.915.749.676
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu thuần bán thành phẩm	71.771.158.772	103.021.500.243
Doanh thu thuần bán hàng hóa	16.898.294.242	30.894.249.433

1.b Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	Năm 2020	Năm 2019
Công ty TNHH Nhà nước MTV Yến sào Khánh Hòa	18.148.424.070	24.045.378.524
Công ty TNHH MTV Thiết kế Xây dựng Sanatech Land	1.075.289.199	1.912.046.689
Công ty TNHH MTV Du lịch Sanest Tourist	418.478.579	862.944.671
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tuyển Bắc Nam	169.593.020	247.060.356
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng thủy sản Fishsan	242.052.490	396.597.127
Công ty TNHH MTV Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa	144.447.755	209.496.728
Công ty TNHH MTV Quảng bá sản phẩm và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa	81.376.400	185.160.300
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa Lâm Đồng	130.548.000	465.412.000
Công ty TNHH MTV Nông trường Dừa Cam Thịnh	4.724.508	11.051.847
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa	6.633.058.838	20.772.065.322
Công ty Cổ phần Nước giải khát Yến sào Khánh Hòa	1.879.930.776	2.433.135.255
Công ty TNHH MTV Cung ứng nguyên vật liệu Khánh Hòa	115.832.037	79.991.573
Công ty TNHH MTV Sanest Khánh Hòa	1.062.268.645	-
Cộng	30.106.024.317	51.620.340.392

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2020	Năm 2019
Giá vốn của thành phẩm	44.023.174.975	68.892.785.949
Giá vốn của hàng hóa	13.907.285.573	23.656.970.408
Cộng	57.930.460.548	92.549.756.357

3. Chi phí bán hàng

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí cho nhân viên	5.381.875.885	6.653.637.145
Chi phí vật liệu và đồ dùng	909.382.964	869.954.643
Chi phí khấu hao	224.477.229	358.260.723
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.494.909.951	6.872.944.172
Các chi phí khác	2.321.386.489	4.918.408.166
Cộng	13.332.032.518	19.673.204.849

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí nhân viên quản lý	7.256.656.071	9.321.403.296
Chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng	780.352.698	865.439.518
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.053.969.872	3.178.525.769
Chi phí dịch vụ mua ngoài	598.303.851	1.295.937.593
Các chi phí khác	2.957.453.413	2.266.065.322
Cộng	14.646.735.905	16.927.371.498

5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 20%. Năm 2020, Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp do có doanh thu không quá 200 tỷ đồng theo Nghị định số 114/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25 tháng 9 năm 2020. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty được dự tính như sau:

	Năm 2020	Năm 2019
Lợi nhuận kế toán trước thuế	2.841.438.224	4.868.126.052
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	126.926.000	114.687.480
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	2.968.364.224	4.982.813.532
Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh	593.672.845	996.562.706
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	(178.101.854)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	415.570.991	996.562.706

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2020	Năm 2019
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.425.867.233	3.871.563.346
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (*)	(436.656.102)	(696.881.402)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(388.138.757)	(619.450.135)
- Trích thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và thường Ban điều hành	(48.517.345)	(77.431.267)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.989.211.131	3.174.681.944
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.000.000	5.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	398	635

(*) Công ty sử dụng tỷ lệ phân phối lợi nhuận kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua để tạm trích các quỹ nhằm xác định chỉ tiêu "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" năm 2020.

7. Chi phí sản xuất theo yếu tố

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	36.317.878.367	60.018.619.824
Chi phí nhân công	18.896.697.588	23.988.026.139
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.973.585.157	5.701.877.434
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.677.721.604	8.168.881.765
Chi phí khác bằng tiền	5.278.839.902	7.989.248.493
Cộng	70.144.722.618	105.866.653.655

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Nhà nước MTV Yến sào Khánh Hòa	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Thiết kế Xây dựng Sanatech Land	Công ty mẹ là chủ sở hữu Công ty này
Công ty TNHH MTV Du lịch Sanest Tourist	Công ty mẹ là chủ sở hữu Công ty này
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tuyến Bắc Nam	Công ty mẹ là chủ sở hữu Công ty này
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng thủy sản Fishsan	Công ty mẹ là chủ sở hữu Công ty này
Công ty TNHH MTV Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa	Công ty mẹ là chủ sở hữu Công ty này
Công ty TNHH MTV Quảng bá sản phẩm và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa	Công ty mẹ là chủ sở hữu Công ty này
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa Lâm Đồng	Công ty mẹ là chủ sở hữu Công ty này
Công ty TNHH MTV Nông trường Dừa Cam Thịnh	Công ty mẹ là chủ sở hữu Công ty này
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Nước giải khát Yến sào Khánh Hòa	Cùng công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Cung ứng nguyên vật liệu Khánh Hòa	Công ty CP Nước giải khát Yến sào Khánh Hòa là chủ sở hữu Công ty này
Công ty TNHH MTV Sanest Khánh Hòa	Công ty CP Nước giải khát Sanest Khánh Hòa là chủ sở hữu Công ty này
Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng	Thành viên quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANNA KHÁNH HÒA

Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông,
thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các bên liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan/Nội dung giao dịch	Năm 2020	Năm 2019
Công ty TNHH Nhà nước MTV Yến sào Khánh Hòa		
Phải thu tiền bán hàng	19.945.048.340	26.399.088.370
Thu tiền bán hàng	19.008.846.864	29.931.342.646
Bù trừ công nợ bán hàng và mua hàng	1.351.878.400	126.293.650
Phải trả tiền mua hàng hóa và dịch vụ	1.351.878.400	1.474.438.450
Phải trả tiền mua hàng hóa và dịch vụ nhờ chi hộ	-	73.275.000
Thanh toán tiền mua hàng hóa và dịch vụ	-	1.421.419.800
Chi trả lợi nhuận/cổ tức	-	1.199.114.911
Công ty TNHH MTV Thiết kế Xây dựng Sanatech Land		
Phải thu tiền bán hàng	1.182.818.120	2.103.251.360
Thu tiền bán hàng	1.019.183.600	2.268.894.680
Công ty TNHH MTV Du lịch Sanest Tourist		
Phải thu tiền bán hàng	460.326.440	949.239.140
Thu tiền bán hàng	485.324.620	936.418.460
Bù trừ công nợ bán hàng và mua hàng	19.091.000	-
Phải trả tiền mua hàng hóa	19.091.000	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tuyển Bắc Nam		
Phải thu tiền bán hàng	186.552.320	271.766.390
Thu tiền bán hàng	25.051.173	82.685.924
Bù trừ công nợ bán hàng và mua hàng	161.501.147	230.416.255
Phải trả tiền mua nguyên vật liệu và dịch vụ	290.838.477	562.025.634
Thanh toán tiền mua nguyên vật liệu và dịch vụ	204.318.350	246.867.378
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng thủy sản Fishsan		
Phải thu tiền bán hàng	266.257.740	436.256.840
Thu tiền bán hàng	278.623.740	493.411.340
Công ty TNHH MTV Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa		
Phải thu tiền bán hàng	158.892.530	230.446.400
Thu tiền bán hàng	154.215.330	252.748.600
Công ty TNHH MTV Quảng bá sản phẩm và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa		
Phải thu tiền bán hàng	89.514.040	203.676.330
Thu tiền bán hàng	90.378.640	205.915.930
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa Lâm Đồng		
Phải thu tiền bán hàng	143.602.800	511.953.200
Thu tiền bán hàng	152.895.600	567.010.400

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANNA KHÁNH HÒA

Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông,
thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Bên liên quan/Nội dung giao dịch	Năm 2020	Năm 2019
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa		
Phải thu tiền bán hàng	7.296.364.718	22.831.517.859
Thu tiền bán hàng	1.150.102.867	14.930.503.016
Bù trừ công nợ bán hàng và mua hàng	5.928.816.531	13.349.927.401
Phải trả tiền mua nguyên vật liệu	14.841.994.429	26.635.529.396
Phải trả về chi phí trả thường thanh toán hộ	-	98.211.200
Thanh toán tiền mua nguyên vật liệu	10.514.239.461	11.782.751.632
Công ty Cổ phần Nước giải khát Yến sào Khánh Hòa		
Phải thu tiền bán hàng	2.067.923.858	2.676.448.783
Thu tiền bán hàng	2.111.007.825	2.268.020.942
Công ty TNHH MTV Cung ứng nguyên vật liệu Khánh Hòa		
Phải thu tiền bán hàng	127.415.240	87.990.730
Thu tiền bán hàng	137.619.720	79.023.750
Công ty TNHH MTV Sanest Khánh Hòa		
Phải thu tiền bán hàng	1.168.495.509	-
Thu tiền bán hàng	1.051.181.348	-
Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát		
Tiền thù lao	311.520.000	290.400.000
Ban Giám đốc và Kế toán trưởng		
Tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng	912.984.295	1.329.827.000
Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:		
Bên liên quan/Công nợ	31/12/2020	01/01/2020
Công ty TNHH Nhà nước MTV Yến sào Khánh Hòa		
Phải thu tiền bán hàng (Thuyết minh V.2)	1.411.843.833	1.827.520.757
Phải trả tiền cổ tức (Thuyết minh V.10)	-	1.199.114.911
Công ty TNHH MTV Thiết kế Xây dựng Sanatech Land		
Phải thu tiền bán hàng (Thuyết minh V.2)	233.235.200	69.600.680
Công ty TNHH MTV Du lịch Sanest Tourist		
Phải thu tiền bán hàng (Thuyết minh V.2)	-	44.089.180
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tuyển Bắc Nam		
Phải trả tiền mua hàng (Thuyết minh V.7)	9.760.981	84.742.001
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Fishsan		
Phải thu tiền bán hàng (Thuyết minh V.2)	-	12.366.000
Công ty TNHH MTV Quảng bá Sản phẩm và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa		
Phải thu tiền bán hàng (Thuyết minh V.2)	5.398.800	6.263.400

Bên liên quan/Công nợ	31/12/2020	01/01/2020
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa Lâm Đồng		
Phải thu tiền bán hàng (Thuyết minh V.2)	-	9.292.800
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa		
Phải thu tiền bán hàng (Thuyết minh V.2)	217.445.320	-
Phải trả tiền mua nguyên liệu (Thuyết minh V.2)	-	1.601.061.563
Công ty Cổ phần Nước giải khát Yến sào Khánh Hòa		
Phải thu tiền bán hàng (Thuyết minh V.2)	851.906.780	894.990.747
Công ty TNHH MTV Cung ứng nguyên vật liệu Khánh Hòa		
Phải thu tiền bán hàng (Thuyết minh V.2)	-	10.204.480
Công ty TNHH MTV Sanest Khánh Hòa		
Phải thu tiền bán hàng (Thuyết minh V.2)	117.314.161	-

2. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Công cụ tài chính chủ yếu của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những công cụ tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty.

Rủi ro trọng yếu phát sinh từ các công cụ tài chính của Công ty là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro về tính thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm bảo đảm sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để bảo đảm sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty xem xét và thống nhất áp dụng những chính sách quản lý cho những rủi ro nêu trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường bao gồm các loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ (rủi ro ngoại hối), rủi ro hàng hóa và rủi ro về giá khác. Các công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng và vay ngân hàng.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, trên cơ sở đó, Công ty dự tính và điều chỉnh mức đòn bẩy tài chính cũng như chiến lược tài chính theo tình hình hiện tại để có được mức lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại hối

Rủi ro ngoại hối là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty ít chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái vì Công ty sử dụng VND là đơn vị tiền tệ chính trong các hoạt động.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa và dịch vụ do thực hiện việc mua hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động của mình. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan về thị trường nhằm quản lý thời điểm, đồng thời tổ chức đấu thầu cho các hợp đồng mua hàng có giá trị lớn với các nhà thầu, nhà cung cấp trên cơ sở đơn giá cố định hoặc giá trọn gói cố định.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về mặt tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính (chủ yếu đối với các khoản tiền gửi ngân hàng).

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách bán hàng, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu của khách hàng chưa được thu và tìm cách duy trì chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện việc xem xét sự suy giảm chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều đối tượng khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty duy trì tiền gửi ngân hàng tại các ngân hàng lớn tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng tiền gửi ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức tập trung độ với rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền ở mức mà Công ty cho là đủ để đáp ứng nhu cầu cho các hoạt động và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa chiết khấu:

	Đến 1 năm	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Tại ngày 01/01/2020				
Phải trả người bán	7.264.551.332	-	-	7.264.551.332
Chi phí phải trả	731.695.698	-	-	731.695.698
Các khoản phải trả khác	2.746.052.292	-	-	2.746.052.292
Cộng	10.742.299.322	-	-	10.742.299.322
Tại ngày 31/12/2020				
Phải trả người bán	8.813.674.661	-	-	8.813.674.661
Chi phí phải trả	419.538.464	-	-	419.538.464
Các khoản phải trả khác	84.063.838	-	-	84.063.838
Cộng	9.317.276.963	-	-	9.317.276.963

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là ở mức kiểm soát được. Công ty có đủ khả năng thanh toán cho các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền được tạo ra từ hoạt động kinh doanh, tiền thu hồi các tài sản tài chính khi đáo hạn và từ các nguồn vốn huy động khác.

3. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính trong Báo cáo tài chính của Công ty.

Tài sản tài chính	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2020	01/01/2020	31/12/2020	01/01/2020
Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.050.205.087	7.653.355.128	9.050.205.087	7.653.355.128
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	-	1.000.000.000	-	1.000.000.000
Phải thu khách hàng	6.953.702.929	5.928.462.210	6.953.702.929	5.928.462.210
Phải thu khác	101.189.066	169.180.081	101.189.066	169.180.081
Cộng	16.105.097.082	14.750.997.419	16.105.097.082	14.750.997.419

Nợ phải trả tài chính	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2020	01/01/2020	31/12/2020	01/01/2020
Phải trả người bán	8.813.674.661	7.264.551.332	8.813.674.661	7.264.551.332
Chi phí phải trả	419.538.464	731.695.698	419.538.464	731.695.698
Các khoản phải trả khác	84.063.838	2.746.052.292	84.063.838	2.746.052.292
Cộng	9.317.276.963	10.742.299.322	9.317.276.963	10.742.299.322

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý cho mục đích thuyết minh trên báo cáo tài chính.

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn hạn.
- Các tài sản tài chính khác mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các tài sản tài chính khác được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc khẳng định không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2020 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong báo cáo tài chính.

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 3 năm 2021


 Nguyễn Thị Hạnh Quyên
 Kế toán trưởng
 Người lập biểu


 Nguyễn Văn Lành
 Giám đốc


 Nguyễn Khoa Bảo
 Chủ tịch Hội đồng quản trị



Tạo Dựng Uy Tín và Niềm Tin

- ❖ **Trụ sở chính :**
 Địa Chỉ : 64/4 Đường ĐHT 21, Phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, TP. HCM
 Tel : (0-28) 3636 4038 - 3636 4039 Fax : (0-28) 3719 3949
 Email : kiemtoandenhat@gmail.com
- ❖ **Chi nhánh Nha Trang :**
 Địa Chỉ : 27 Đường B1, Khu Đô Thị Vĩnh Diễm Trung, Xã Vĩnh Hiệp, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
 Tel : (0-258) 389 5777 Fax : (0-258) 389 3377
 Email : fac_cnnhatrang@fac.com.vn
- ❖ **Chi nhánh Đệ Nhất :**
 Địa Chỉ : 169 Trương Công Định, Phường 3, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
 Tel : (0-254) 354 3866 - 221 0287 Fax : (0-254) 625 3070
 Email : fac_cnvungtau@fac.com.vn
- ❖ **Chi nhánh Miền Trung :**
 Địa Chỉ : Tầng 5, Tòa nhà bưu điện thành phố, 01 Trần Phú, P. Tân Thạnh, TP. Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam.
 Tel : (0-235) 222 6889 Fax : (0-235) 383 7878
 Email : fac_cnmientrung@fac.com.vn
- ❖ **Chi nhánh Hà Nội :**
 Địa Chỉ : Phòng 2M05, Tầng 2A, Tòa nhà Cowa Tower, Số 199 Hồ Tùng Mậu, P. Cầu Diễn, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội.
 Tel : (0-24) 7300 7886
 Email : fac_cnhanoi@fac.com.vn



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020

Khánh Hòa, ngày 16 tháng 04 năm 2021

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

CHỦ TỊCH HĐQT



NGUYỄN KHOA BẢO